Số: 1526/QĐ-UBND; 17/12/2025; 08:14:49;

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ DI LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Di Linh, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH HỘ LÀM NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2026

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Số khẩu		SỐ NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG		Ghi chú
				Kinh	DTTS	Kinh	DTTS	
1	ĐỒNG XUÂN ĐẢNG	5/4/1978	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
2	LÃO VĂN PHÚC	10/17/1979	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
3	VÕ THỊ BÔNG	10/21/1948	Thôn 1, xã Di Linh	3		2		
4	ĐỖ VĂN HOÀN	3/7/1985	Thôn 1, xã Di Linh	4		1		
5	NGUYỄN VĂN TRỌNG	8/1/1970	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
6	VÕ VĂN TƠ	1/1/1952	Thôn 1, xã Di Linh	2				
7	PHAN THỊ HOA	11/10/1968	Thôn 1, xã Di Linh	4		4		
8	PHAN VĂN NGỌC	6/1/1965	Thôn 1, xã Di Linh	3		2		
9	VŨ THỊ DUNG	1/20/1986	Thôn 1, xã Di Linh	3		1		
10	NGUYỄN VĂN TÁM	7/3/1964	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
11	LÊ VĂN HẬU	2/6/1953	Thôn 1, xã Di Linh	2				
12	TRỊNH THỊ BIỂU	1/1/1953	Thôn 1, xã Di Linh	2		1		
13	PHẠM VĂN THÀNH	10/10/1979	Thôn 1, xã Di Linh	6		5		
14	NGUYỄN THỊ DUNG	3/10/1956	Thôn 1, xã Di Linh	6		5		
15	PHẠM VĂN THẮNG	4/18/1976	Thôn 1, xã Di Linh	3		2		
16	NGUYỄN VĂN KÝ	3/6/1965	Thôn 1, xã Di Linh	4		4		
17	PHAN THANH HƯNG	2/4/1958	Thôn 1, xã Di Linh	3		1		
18	NGUYỄN THỊ LÂN	1/16/1950	Thôn 1, xã Di Linh	2		1		
19	NGUYỄN THANH HẢI	6/5/1977	Thôn 1, xã Di Linh	4		2		
20	NGUYỄN HÙNG SƠN	11/27/1962	Thôn 1, xã Di Linh	2		1		
21	TRẦN ANH QUANG	5/15/1989	Thôn 1, xã Di Linh	3		2		
22	NGUYỄN THỊ LẠC	11/8/1958	Thôn 1, xã Di Linh	3		1		
23	NGUYỄN VĂN THUẬN	5/19/1960	Thôn 1, xã Di Linh	3		1		
24	NGUYỄN VĂN NGHĨA	6/5/1979	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
25	BÙI VĂN CỨU	8/18/1975	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
26	TRẦN VĂN NAM	10/20/1952	Thôn 1, xã Di Linh	4		2		
27	NGUYỄN KIM ANH	5/15/1975	Thôn 1, xã Di Linh	2		1		
28	TRẦN THỊ MỸ AN	9/20/1980	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
29	ĐẶNG THỊ GIANG	12/6/1980	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
30	TRẦN MẠNH HÙNG	12/6/1982	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
31	TRẦN QUỲNH	5/10/1958	Thôn 1, xã Di Linh	2				
32	BÙI QUANG CƯỜNG	4/22/1985	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
33	KHUẤT THỊ ANH	11/20/1963	Thôn 1, xã Di Linh		2		1	
34	TRỊNH QUANG XUÂN	10/15/1978	Thôn 1, xã Di Linh	6		4		
35	BÙI VIỆT HÙNG	1/15/1979	Thôn 1, xã Di Linh	5		4		
36	NGUYỄN VĂN TIẾN	5/15/1958	Thôn 1, xã Di Linh	2		1		
37	HÀ MINH TUẤN	10/8/1983	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
38	PHAN THỊ BÍCH LIÊM	4/20/1970	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
39	NGUYỄN BÁ LỬU	1/1/1950	Thôn 1, xã Di Linh	2		1		
40	NINH XUÂN THỌ	3/7/1975	Thôn 1, xã Di Linh	4		4		
41	BÙI GIANG	10/22/1976	Thôn 1, xã Di Linh	4		3		
42	PHẠM THỊ ÉN	2/3/1989	Thôn 1, xã Di Linh	6		3		
43	NGUYỄN VĂN DŨNG	7/13/1973	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
44	VƯƠNG THỊ KHUYÊN	3/30/1952	Thôn 1, xã Di Linh	6		4		
45	LÃO THANH TUYỀN	8/4/1966	Thôn 1, xã Di Linh	4		4		
46	VŨ VĂN BIÊN	1/1/1966	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
47	LÊ THỊ VINH	5/10/1957	Thôn 1, xã Di Linh	3		2		
48	LÊ HỒNG SA	1/1/1948	Thôn 1, xã Di Linh	3		1		
49	HUỲNH THỊ XÍ	10/30/1946	Thôn 1, xã Di Linh	3		2		
50	TRIỆU QUỐC LIÊN	2/3/1968	Thôn 1, xã Di Linh		2		2	
51	PHẠM THỊ THẢO	11/20/1975	Thôn 1, xã Di Linh	2		1		
52	TRẦN NGỌC KIỀU OANH	9/26/1993	Thôn 1, xã Di Linh	4		2		
53	PHẠM VĂN THẮNG	8/1/1960	Thôn 1, xã Di Linh	2				
54	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	1/10/1993	Thôn 1, xã Di Linh	2		1		
55	NGUYỄN DUY MINH	2/29/1976	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
56	MAI VĂN THẾ	10/7/1983	Thôn 1, xã Di Linh	4		3		
57	PHẠM THỊ THANH	7/27/1973	Thôn 1, xã Di Linh	2		2		
58	TRẦN VĂN SINH	11/11/1961	Thôn 1, xã Di Linh	2				
59	NGUYỄN THIỀU	3/13/1953	Thôn 1, xã Di Linh	3		1		
60	TRỊNH XUÂN ĐỆ	10/10/1972	Thôn 1, xã Di Linh	1		1		
61	NGUYỄN VĂN SỬU	10/1/1960	Thôn 1, xã Di Linh	3		2		
62	NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	1/1/1986	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		

63	HOÀNG THỊ HỒNG	7/20/1969	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
64	HỒ THỊ THÊM	10/4/1969	Thôn 1, xã Di Linh	3		3		
65	TRẦN THỊ LAN	10/5/1965	Thôn 2, xã Di Linh	1		1		
66	ĐẶNG THỊ TÍCH	8/30/1965	Thôn 2, xã Di Linh	3		3		
67	PHẠM CÔNG	10/1/1963	Thôn 2, xã Di Linh	4		4		
68	TRẦN THỊ DUYÊN	8/12/1959	Thôn 2, xã Di Linh	2		1		
69	NGUYỄN VĂN NAM	9/17/1979	Thôn 2, xã Di Linh	4		3		
70	NGUYỄN VĂN VINH	9/29/1960	Thôn 2, xã Di Linh	3				
71	LÝ THÁI HƯNG	10/22/1955	Thôn 2, xã Di Linh	2		1		
72	HUỲNH NGỌC HẢI	7/24/1962	Thôn 2, xã Di Linh	4		3		
73	BÙI THỊ THƠM	6/22/1967	Thôn 2, xã Di Linh	3		3		
74	LÊ VĂN LƯƠNG	11/10/1970	Thôn 2, xã Di Linh	2		2		
75	THẠCH THỊ THIÊN THU	8/10/1955	Thôn 2, xã Di Linh		8		5	
76	VĂN SIÊU HOÀ	1/8/1975	Thôn 2, xã Di Linh		3		2	
77	ĐỖ VĂN HỒNG	4/17/1976	Thôn 2, xã Di Linh	3		3		
78	VĂN CẨM PHÁT	12/18/1968	Thôn 2, xã Di Linh		5		3	
79	THẠCH THỊ DIỆU	6/4/1968	Thôn 2, xã Di Linh		2		2	
80	PHẠM THỊ HẠNH	2/1/1969	Thôn 2, xã Di Linh	2		2		
81	HOÀNG THỊ ÁI	11/25/1983	Thôn 2, xã Di Linh	5		3		
82	MAI THỊ TÂM	12/20/1977	Thôn 2, xã Di Linh	4		4		
83	HỒ THỊ NGỌC NGÀ	4/16/1966	Thôn 2, xã Di Linh	3		3		
84	HOÀNG THỊ HOÀI	7/7/1976	Thôn 2, xã Di Linh	2		2		
85	TRẦN THỊ THANH NHÀN	9/12/1964	Thôn 2, xã Di Linh	1				
86	PHẠM THỊ XUÂN	12/12/1981	Thôn 2, xã Di Linh	2		2		
87	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	5/25/1978	Thôn 2, xã Di Linh	4		4		
88	NGUYỄN VĂN HÀ	10/13/1981	Thôn 2, xã Di Linh	5		3		
89	NGUYỄN THỊ DÍNH	1/10/1958	Thôn 2, xã Di Linh	2		1		
90	ĐỖ THỊ LIÊM	12/7/1970	Thôn 2, xã Di Linh	2		2		
91	NGUYỄN THỊ NHIN	4/8/1961	Thôn 2, xã Di Linh	4		3		
92	NGUYỄN THỊ TUYẾT	12/4/1970	Thôn 2, xã Di Linh	5		4		
93	VŨ ANH TUẤN	7/17/1950	Thôn 2, xã Di Linh	3		1		
94	NGUYỄN THỊ HOÀ	8/8/1977	Thôn 2, xã Di Linh	5		3		
95	NGUYỄN THỊ AN	1/10/1956	Thôn 2, xã Di Linh	4		1		
96	BÙI VĂN HIỀN	7/4/1965	Thôn 3, xã Di Linh	3		3		
97	NGUYỄN VIẾT NAM	6/20/1959	Thôn 3, xã Di Linh	8		5		
98	TRẦN THỊ SAN	1/12/1954	Thôn 3, xã Di Linh	3		2		
99	VÕ THỊ THIÊN DIỆU	11/29/1982	Thôn 3, xã Di Linh	3		2		
100	BÙI XUÂN NGỌC	1/17/1964	Thôn 3, xã Di Linh	5		3		
101	PHẠM THỊ LIÊN THANH	4/28/1953	Thôn 3, xã Di Linh	2		1		
102	NGUYỄN NGỌC LINH	9/9/1962	Thôn 3, xã Di Linh	2		1		
103	NGUYỄN THỊ PHÚ	2/2/1955	Thôn 3, xã Di Linh	3		2		
104	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	2/24/1985	Thôn 3, xã Di Linh	4		1		
105	TRẦN HIỀN	4/12/1953	Thôn 3, xã Di Linh	2				
106	TRẦN THỊ THẢ	8/5/1937	Thôn 3, xã Di Linh	4		3		
107	ĐỖ THỊ KIM HƯỜNG	1/1/1963	Thôn 3, xã Di Linh	8		4		
108	NGUYỄN THỊ BÌNH	8/2/1973	Thôn 3, xã Di Linh	4		4		
109	NGUYỄN VĂN HOÀNG	9/9/1968	Thôn 3, xã Di Linh	2		2		
110	QUANG LONG	9/15/1976	Thôn 3, xã Di Linh	4		3		
111	NGUYỄN THỊ HOA	6/22/1966	Thôn 3, xã Di Linh	1		1		
112	ĐẶNG THỊ KIM LAI	8/21/1956	Thôn 4, xã Di Linh		2			
113	PHẠM THỊ NGỌC PHÚ	3/13/1956	Thôn 4, xã Di Linh	3		2		
114	NGUYỄN MẠNH QUÝ	6/29/1965	Thôn 4, xã Di Linh	2		2		
115	PHẠM TRẦN THIÊN THANH	10/11/1983	Thôn 4, xã Di Linh	4		2		
116	VŨ THỊ TUYẾT	6/6/1984	Thôn 4, xã Di Linh	3		2		
117	SƠN CHỈ	7/26/1969	Thôn 4, xã Di Linh		5		3	
118	DANH LIÊN	4/2/1956	Thôn 4, xã Di Linh		5		3	
119	NINH VĂN THANH	1/1/1956	Thôn 4, xã Di Linh	2		1		
120	TRẦN NGỌC QUANG	3/17/1980	Thôn 4, xã Di Linh	10		7		
121	TRẦN NGỌC HOÀ	1958	Thôn 4, xã Di Linh	5		3		
122	HÀ VĂN HÙNG	3/19/1980	Thôn 4, xã Di Linh	4		2		
123	LÊ NGỌC KHƯƠNG	11/1/1983	Thôn 4, xã Di Linh	5		2		
124	LÊ VĂN TRANG	11/10/1982	Thôn 4, xã Di Linh	4		2		
125	HUỲNH THỊ MINH TUYỀN	1/1/1971	Thôn 4, xã Di Linh	4		2		
126	NGUYỄN THỊ LIÊN	12/25/1958	Thôn 5, xã Di Linh	7		3		
127	NGUYỄN THỊ KIM LUẬN	8/7/1959	Thôn 5, xã Di Linh	3		1		
128	LÊ THỊ HỒNG VÂN	1/11/1991	Thôn 5, xã Di Linh	5		4		
129	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	2/19/1991	Thôn 5, xã Di Linh	3		1		
130	THÁI VĂN CƯỜNG	3/1/1960	Thôn 5, xã Di Linh		4		2	
131	PHẠM THỊ THÀNH	10/20/1968	Thôn 5, xã Di Linh	2		1		
132	HOA THỊ KIM ĐIỆP	6/3/1967	Thôn 5, xã Di Linh	4		4		

133	PHẠM VĂN HUY	6/10/1967	Thôn 5, xã Di Linh	6		6		
134	BÙI VĂN DỪA	1/10/1936	Thôn 5, xã Di Linh	5		4		
135	NGUYỄN THỊ HOA	8/3/1957	Thôn 5, xã Di Linh	8		6		
136	NGUYỄN VĂN HÙNG	10/16/1957	Thôn 5, xã Di Linh	11		8		
137	BÙI THANH HUY	10/20/1968	Thôn 5, xã Di Linh	6		5		
138	ĐOÀN THỊ ĐÀO	6/24/1973	Thôn 5, xã Di Linh	6		5		
139	NGUYỄN THỊ BÍCH THU	4/26/1962	Thôn 5, xã Di Linh	9		5		
140	NGUYỄN VĂN CHÍNH	7/18/1954	Thôn 5, xã Di Linh	7		4		
141	MAI THỊ SÁU	12/25/1947	Thôn 5, xã Di Linh	4		3		
142	TRẦN THỊ CHỢ	3/27/1953	Thôn 5, xã Di Linh	6		3		
143	NGUYỄN THỊ LIÊN	11/27/1978	Thôn 5, xã Di Linh	4		4		
144	VÕ KIM SƠN	2/8/1952	Thôn 5, xã Di Linh	8		4		
145	LÊ BÁ NGUYÊN	2/6/1981	Thôn 5, xã Di Linh	7		6		
146	LÊ THỊ KIM PHƯỢNG	5/29/1981	Thôn 5, xã Di Linh	3		3		
147	TRẦN THỊ SINH	5/10/1905	Thôn 5, xã Di Linh	3		2		
148	VÕ NHƯ BÍCH NGỌC	3/13/1981	Thôn 5, xã Di Linh	3		3		
149	TRẦN THỊ TÂM	5/19/1968	Thôn 5, xã Di Linh	3		3		
150	LƯƠNG NHỊT CỬU	6/1/1954	Thôn 6, xã Di Linh		4		3	
151	NGUYỄN VIẾT BIÊN	3/21/1984	Thôn 6, xã Di Linh	5			2	
152	LÀU SỦI MÙI	5/16/1960	Thôn 6, xã Di Linh		1			
153	SẦN CẨM HẠNH	2/4/1973	Thôn 6, xã Di Linh		4		3	
154	SONG A BẠT	10/22/1976	Thôn 6, xã Di Linh		4		4	
155	TRẦN THỊ BÍCH NGỌ	2/18/1966	Thôn 6, xã Di Linh	4		4		
156	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1/1/1951	Thôn 6, xã Di Linh	9		6		
157	NGUYỄN KIM TÂN	8/15/1962	Thôn 6, xã Di Linh	5		3		
158	CAO THỊ HƯƠNG	6/6/1973	Thôn 6, xã Di Linh	2		2		
159	NGUYỄN THỊ HIỀN	3/28/1965	Thôn 6, xã Di Linh	4		3		
160	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	1/30/1964	Thôn 6, xã Di Linh	2		1		
161	ĐÀM THỊ HẠNH	2/22/1964	Thôn 6, xã Di Linh	5		2		
162	NGUYỄN THỊ MAI	9/2/1964	Thôn 6, xã Di Linh	2				
163	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	12/1/1959	Thôn 6, xã Di Linh	7		4		
164	NGUYỄN THỊ THANH THIỀU	6/5/1973	Thôn 6, xã Di Linh	3		2		
165	TRẦN THỊ TÁNH	5/26/1949	Thôn 6, xã Di Linh	3		2		
166	NGUYỄN DUY KHÁNH	12/25/1972	Thôn 6, xã Di Linh	3		3		
167	PHAN NGHĨA	1/27/1966	Thôn 6, xã Di Linh	6		5		
168	NGUYỄN THỊ KIM CHÂU	1/18/1978	Thôn 6, xã Di Linh	3		3		
169	PHAN DOÃN TUYÊN	12/17/1961	Thôn 6, xã Di Linh	12		8		
170	ĐÀM THỊ HIỀN	4/1/1968	Thôn 6, xã Di Linh	2		2		
171	TRỊNH MINH TÂM	4/4/1974	Thôn 6, xã Di Linh	2		2		
172	PHẠM NGỌC LINH	2/10/1974	Thôn 6, xã Di Linh	4		3		
173	NGUYỄN NGỌC TUẤN	12/4/1989	Thôn 6, xã Di Linh	2		2		
174	NGUYỄN KIM THUỴ	9/15/1972	Thôn 6, xã Di Linh	3		3		
175	PHÙNG QUỐC THƯỜNG	1/14/1971	Thôn 6, xã Di Linh	5		4		
176	TRẦN VĂN HIẾN	3/10/1968	Thôn 6, xã Di Linh	3		3		
177	NGUYỄN HỮU LUÂN	11/26/1978	Thôn 6, xã Di Linh	4		3		
178	NGUYỄN THỊ TUẤT	6/26/1970	Thôn 6, xã Di Linh	7		4		
179	LÊ VĂN HẢI	6/3/1969	Thôn 6, xã Di Linh	3		3		
180	ĐÀO THỊ HAY	10/10/1967	Thôn 6, xã Di Linh	3		2		
181	LÊ THỊ KIM SƠN	4/14/1954	Thôn 6, xã Di Linh	1				
182	NGUYỄN ANH TRUNG	4/8/1987	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
183	PHẠM VĂN VẬN	5/5/1982	Thôn 7, xã Di Linh	5		4		
184	PHÙNG VĂN SANG	2/5/1969	Thôn 7, xã Di Linh	7		7		
185	LÊ ANH THUẬN	1/1/1968	Thôn 7, xã Di Linh	4		4		
186	NGUYỄN THỊ MINH HUỆ	6/26/1959	Thôn 7, xã Di Linh	5		2		
187	NGUYỄN THỊ LINH	6/22/1959	Thôn 7, xã Di Linh	6		3		
188	NGUYỄN THANH HẢI	1970	Thôn 7, xã Di Linh	4		4		
189	NGUYỄN NGỌC ĐIỆP	5/8/1981	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
190	NGUYỄN THỊ THÁI HƯNG	11/20/1973	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
191	TRẦN THỊ MINH TRANG	8/9/1972	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
192	CAO VĂN TRỌNG	11/23/1953	Thôn 7, xã Di Linh	5		3		
193	CAO VĂN SỰ	5/18/1956	Thôn 7, xã Di Linh	7		5		
194	ĐOÀN VĂN MỘT	12/20/1943	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
195	TRẦN THỊ THU	1/1/1961	Thôn 7, xã Di Linh	5		3		
196	LÊ VĂN TÁM	10/23/1967	Thôn 7, xã Di Linh	8		6		
197	GIP A MÚI	6/12/1961	Thôn 7, xã Di Linh		3		2	
198	NGUYỄN NGỌC NỀN	11/23/1973	Thôn 7, xã Di Linh	5		4		
199	TRẦN THỊ THOẢ	5/5/1954	Thôn 7, xã Di Linh	3		1		
200	CAO VĂN NHẬT	3/24/1977	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
201	LÊ NGUYỄN NHƯ NGUYỆT	3/20/1980	Thôn 7, xã Di Linh		5		5	
202	TÔN THỊ MAI	6/20/1965	Thôn 7, xã Di Linh	9		4		
203	ĐOÀN TRẦN HOÀI THƯƠNG	4/25/1983	Thôn 7, xã Di Linh	3		2		
204	TRẦN THỊ HƯỜNG	6/29/1969	Thôn 7, xã Di Linh	1		1		
205	NGUYỄN THỊ SÁU	8/18/1951	Thôn 7, xã Di Linh	6		4		
206	TRẦN PHỤNG NGHĨA	2/2/1972	Thôn 7, xã Di Linh	5		4		
207	DƯƠNG TẤN PHƯỚC	9/30/1963	Thôn 7, xã Di Linh	5		1		

208	ĐẶNG VĂN THANH	10/26/1970	Thôn 7, xã Di Linh	4		4		
209	TRẦN VĂN DŨNG	3/14/1967	Thôn 7, xã Di Linh	5		4		
210	ĐẶNG VĂN THU	8/3/1968	Thôn 7, xã Di Linh	5		5		
211	LÂM QUANG TOÀN	9/12/1979	Thôn 7, xã Di Linh	1		1		
212	NGUYỄN PHỤNG	1955	Thôn 7, xã Di Linh	6		3		
213	LÊ CÔNG PHÚC	6/3/1994	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
214	LÊ VĂN HẢO	5/20/1954	Thôn 7, xã Di Linh	5		2		
215	CAO THÀNH HƯNG	10/11/1980	Thôn 7, xã Di Linh	5		5		
216	NGUYỄN TIẾN THÀNH	1/15/2000	Thôn 7, xã Di Linh	5		4		
217	ĐOÀN PHI HÙNG	11/8/1972	Thôn 7, xã Di Linh	4		4		
218	ĐÀO VĂN DŨNG	8/28/1960	Thôn 7, xã Di Linh	8		5		
219	PHÔNG HỌC HINH	10/1/1959	Thôn 7, xã Di Linh		4		2	
220	NGUYỄN TAM QUÝ	10/21/1957	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
221	ĐỖ THỊ LỢI	8/15/1975	Thôn 7, xã Di Linh		5		4	
222	PHÔNG HỌC THỐNG	7/10/1966	Thôn 7, xã Di Linh		6		4	
223	NGUYỄN THỊ ĐƯỜNG	3/21/1954	Thôn 7, xã Di Linh	2		1		
224	LÊ HỒNG QUÂN	5/16/1984	Thôn 7, xã Di Linh	3		2		
225	LÊ THỊ HỒNG KIỀU	11/3/1981	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
226	LÊ VĂN HUỆ	10/15/1953	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
227	LÊ QUỐC VIỆT	7/10/1983	Thôn 7, xã Di Linh	5		3		
228	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	7/23/1996	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
229	NGUYỄN TAM HOA	1961	Thôn 7, xã Di Linh	5		3		
230	HOÀNG THỊ BÍNH	6/2/1966	Thôn 7, xã Di Linh	8		5		
231	LÊ THỊ HỒNG	6/15/1971	Thôn 7, xã Di Linh	2		1		
232	LÊ QUỐC VIỆT	12/22/1987	Thôn 7, xã Di Linh	6		3		
233	NGUYỄN THỊ XUÂN VIÊN	9/16/1997	Thôn 7, xã Di Linh	3		1		
234	NGUYỄN THỊ ĐÀO	8/19/1964	Thôn 7, xã Di Linh	5		2		
235	LÝ THỊ LỆ THU	12/12/1964	Thôn 7, xã Di Linh	8		4		
236	ỨC THỊ NGA	5/10/1976	Thôn 7, xã Di Linh		4		3	
237	LÊ BẠCH NHẬT	5/15/1956	Thôn 7, xã Di Linh	7		4		
238	NGUYỄN THANH HẬU	10/5/1990	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
239	LÝ THỊ TUYẾT NGA	2/5/1971	Thôn 7, xã Di Linh	2		1		
240	LÊ HOÀNG VŨ	3/15/1975	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
241	LÊ ĐÌNH NGỮ	4/17/1950	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
242	NGUYỄN VĂN HOA	5/1/1963	Thôn 7, xã Di Linh	6		6		
243	NGUYỄN THIẾT	12/14/1980	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
244	BÙI THỊ HẢI	8/3/1973	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
245	NGUYỄN VĂN HÙNG	1/7/1954	Thôn 7, xã Di Linh	3		1		
246	PHẠM HOÀNG TUẤN	7/25/1972	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
247	ĐỖ THANH TRÍ DŨNG	9/2/1967	Thôn 7, xã Di Linh	4		4		
248	ĐỖ THANH CHÍ LINH	7/15/1976	Thôn 7, xã Di Linh	5		3		
249	ĐỖ THANH HOÀNG	1/21/1962	Thôn 7, xã Di Linh	2		1		
250	ĐỖ THANH MINH	12/27/1963	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
251	LÊ THANH LÂM	4/16/1959	Thôn 7, xã Di Linh	6		3		
252	LÊ THỊ THANH TRANG	7/11/1983	Thôn 7, xã Di Linh	2		2		
253	LÊ THU HÀ	4/10/1963	Thôn 7, xã Di Linh	6		4		
254	LÊ NHẬT TRỌNG	5/13/1983	Thôn 7, xã Di Linh	5		3		
255	NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG	8/18/1967	Thôn 7, xã Di Linh	5		4		
256	HUỲNH ĐỨC LỘC	10/19/1993	Thôn 7, xã Di Linh	7		4		
257	HUỲNH THỊ LAN	11/25/1969	Thôn 7, xã Di Linh	6		5		
258	NGUYỄN XUÂN SƠN	11/22/1978	Thôn 7, xã Di Linh	4		4		
259	NGUYỄN THỊ VINH	9/20/1958	Thôn 7, xã Di Linh	4		3		
260	TRẦN MINH QUÝ	1/24/1974	Thôn 7, xã Di Linh	8		8		
261	SỬ THỊ HỒNG SƯƠNG	1/5/1954	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
262	CAO THÀNH ĐỨC	3/17/1973	Thôn 7, xã Di Linh	2		2		
263	PHẠM THỊ BẰNG	12/30/1975	Thôn 7, xã Di Linh	2		2		
264	NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH	3/30/1960	Thôn 7, xã Di Linh	6		3		
265	LÊ HỒNG QUÝ	4/27/1975	Thôn 7, xã Di Linh	4		2		
266	NGUYỄN THỊ NGỌC NGA	9/23/1965	Thôn 8, xã Di Linh	5		4		
267	ĐINH THỊ NĂM	6/3/1953	Thôn 8, xã Di Linh	2		1		
268	NGÔ VĂN TIẾN	6/10/1955	Thôn 8, xã Di Linh	6		2		
269	VÕ NGỌC QUANG	10/16/1980	Thôn 8, xã Di Linh	4		3		
270	VÕ THỊ RỚT	9/1/1955	Thôn 8, xã Di Linh	1				
271	BÙI VĂN HÙNG	8/15/1980	Thôn 8, xã Di Linh	6		4		
272	HOÀNG KIM THANH	8/30/1956	Thôn 8, xã Di Linh	6		2		
273	GIP CHẢN XÌN	9/16/1960	Thôn 8, xã Di Linh		4		2	
274	NGUYỄN BÁ TÒNG	11/20/1967	Thôn 8, xã Di Linh	4		4		
275	HỒ THỊ TRỌNG	1/21/1959	Thôn 8, xã Di Linh	6		3		
276	ĐOÀN ĐỨC	1/3/1967	Thôn 8, xã Di Linh	8		5		
277	NGUYỄN VĂN LÂM	1/30/1975	Thôn 8, xã Di Linh	4		2		
278	TRẦN MAI UYÊN PHƯỢNG	8/22/1977	Thôn 8, xã Di Linh	3		2		
279	VŨ VĂN THƯỚC	9/3/1983	Thôn 8, xã Di Linh	5		4		
280	LÊ THỊ TUYẾT HẰNG	3/2/1963	Thôn 8, xã Di Linh	3		1		
281	NGUYỄN THỊ HỒNG	7/7/1972	Thôn 8, xã Di Linh	5		3		
282	VÕ THỊ BẢNH	7/20/1957	Thôn 8, xã Di Linh	3		1		
283	ĐOÀN THỊ THÌN	2/16/1951	Thôn 8, xã Di Linh	3		2		
284	BÙI TIẾN DŨNG	1/1/1978	Thôn 8, xã Di Linh	5		3		
285	NGUYỄN VĂN VINH	10/18/1970	Thôn 8, xã Di Linh	3		2		

286	NGUYỄN THỊ VẠN HẠNH	8/11/1966	Thôn 8, xã Di Linh	3		2		
287	HÀ CÔNG HÙNG	5/16/1959	Thôn 8, xã Di Linh	8		5		
288	NGUYỄN VĂN KINH	1/10/1949	Thôn 8, xã Di Linh	2				
289	VÕ HÀ	6/20/1956	Thôn 8, xã Di Linh	3				
290	VŨ THỊ MẬN	7/7/1961	Thôn 8, xã Di Linh	3		1		
291	NGUYỄN VĂN TRỌNG	1/4/1958	Thôn 8, xã Di Linh	2				
292	PHAN THỊ PHƯƠNG	7/15/1963	Thôn 8, xã Di Linh	2				
293	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1/1/1956	Thôn 8, xã Di Linh	4		2		
294	NGUYỄN QUANG VIỆT	6/5/1963	Thôn 8, xã Di Linh	2				
295	ĐOÀN THỊ KHUYÊN	6/16/1977	Thôn 9, xã Di Linh	4		4		
296	TRẦN LONG HƯNG	5/22/1985	Thôn 9, xã Di Linh	4		3		
297	HUỲNH THỊ HỒNG VÂN	11/22/1975	Thôn 9, xã Di Linh	7		4		
298	PHẠM ĐÌNH QUỐC TRƯỜNG	12/9/1982	Thôn 9, xã Di Linh	4		4		
299	HUỲNH TRỌNG THANH	9/19/1984	Thôn 9, xã Di Linh	5		2		
300	TRẦN ĐỨC THÀNH	9/25/1978	Thôn 9, xã Di Linh	4		4		
301	LÊ THỊ LEN	3/20/1971	Thôn 9, xã Di Linh	5		2		
302	NGUYỄN HOÀNG THẮNG	5/1/1982	Thôn 9, xã Di Linh	4		3		
303	TRẦN THANH SƠN	10/1/1972	Thôn 9, xã Di Linh	4		2		
304	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	9/8/1969	Thôn 9, xã Di Linh	3		3		
305	NGUYỄN THỊ DUNG	1/1/1960	Thôn 9, xã Di Linh	1				
306	LÊ ĐÌNH HẢO	8/30/1979	Thôn 9, xã Di Linh	4		4		
307	ĐỖ THỊ THANH LAN	10/17/1984	Thôn 9, xã Di Linh	7		5		
308	BÙI TRỌNG HÁT	2/21/1971	Thôn 9, xã Di Linh	4		3		
309	NGUYỄN XUÂN NGÀ	1/7/1980	Thôn 9, xã Di Linh	4		4		
310	ĐỖ THỊ MAI	12/25/1971	Thôn 9, xã Di Linh	7		5		
311	CHẾ THỊ THANH THUỶ	4/20/1966	Thôn 9, xã Di Linh	8		5		
312	PHẠM QUANG THỊNH	5/12/1981	Thôn 9, xã Di Linh	5		3		
313	NGUYỄN VĂN LINH	10/8/1964	Thôn 9, xã Di Linh	8		4		
314	NGUYỄN VĂN KỶ	3/3/1975	Thôn 9, xã Di Linh	4		4		
315	TRẦN THỊ THU TUYỀN	3/17/1974	Thôn 9, xã Di Linh	4		4		
316	PHẠM THỊ HUỆ	10/10/1953	Thôn 9, xã Di Linh	9		4		
317	NGÔ THỊ THANH HẰNG	11/15/1957	Thôn 9, xã Di Linh	5		3		
318	NGUYỄN THỊ LỤA	9/6/1975	Thôn 9, xã Di Linh	3		3		
319	NGUYỄN VŨ THUÝ NGA	1/24/1982	Thôn 9, xã Di Linh	5		5		
320	NGUYỄN THỊ NHƯ THUỶ	12/22/1977	Thôn 9, xã Di Linh	6		5		
321	NGUYỄN THỊ THÙY	12/20/1968	Thôn 9, xã Di Linh	4		3		
322	TRẦN ĐỨC HIẾU	10/2/1976	Thôn 9, xã Di Linh	5		5		
323	BÙI THỊ TUYẾN	6/4/1963	Thôn 9, xã Di Linh	7		3		
324	LÊ THỊ THƯƠNG	6/4/1981	Thôn 9, xã Di Linh	5		4		
325	VŨ THỊ BÌNH	10/10/1975	Thôn 9, xã Di Linh	2		2		
326	PHẠM ĐÌNH QUỐC TÚ	1/4/1979	Thôn 9, xã Di Linh	2		2		
327	NGUYỄN VĂN SANG	5/20/1953	Thôn 9, xã Di Linh	5		3		
328	TRƯƠNG VĂN TRƯỜNG	3/25/1973	Thôn 10, xã Di Linh	4		3		
329	NGUYỄN MẠNH HÙNG	8/24/1953	Thôn 10, xã Di Linh	7		1		
330	TRIỆU QUANG TRUNG	7/10/1970	Thôn 10, xã Di Linh	6		5		
331	ĐẶNG TÍCH LỘC	9/24/1963	Thôn 10, xã Di Linh		4		2	
332	ĐỖ TY	2/1/1947	Thôn 10, xã Di Linh	6		2		
333	NGUYỄN PHI LONG	6/10/1987	Thôn 10, xã Di Linh	5		3		
334	ĐÀO THANH SƠN	7/5/1974	Thôn 10, xã Di Linh	7		3		
335	TRẦN THỊ KHUYÊN	3/25/1974	Thôn 10, xã Di Linh	4		3		
336	TRẦN ANH THUẤN	8/1/1982	Thôn 10, xã Di Linh	4		3		
337	NGUYỄN HOÀN	1/1/1958	Thôn 10, xã Di Linh	12		5		
338	HUỲNH TRỌNG HOÀNG	11/30/1977	Thôn 11, xã Di Linh	4		4		
339	BÙI VĂN HÙNG	12/29/1983	Thôn 11, xã Di Linh	5		3		
340	ĐẶNG THỊ QUYẾT	9/2/1958	Thôn 11, xã Di Linh	2		1		
341	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1/1/1966	Thôn 11, xã Di Linh	4		3		
342	HUỲNH TRỌNG HẬU	3/10/1948	Thôn 11, xã Di Linh	3		2		
343	VŨ THỊ NGÃI	10/12/1953	Thôn 11, xã Di Linh	2				
344	ĐOÀN ĐỨC MÙI	5/22/1967	Thôn 11, xã Di Linh	4		3		
345	ĐOÀN THỊ TRANG	2/12/1958	Thôn 11, xã Di Linh	3		2		
346	LÊ THỊ KIM HOA	12/29/1979	Thôn 11, xã Di Linh	3		3		
347	TRẦN DƯỠNG	7/24/1976	Thôn 11, xã Di Linh	5		4		
348	TRẦN THỊ LỮ NHÂM	8/4/1972	Thôn 11, xã Di Linh	1		1		
349	ĐỖ THỊ KIM HOA	6/28/1970	Thôn 11, xã Di Linh	4		4		
350	NGUYỄN THỊ KIỀU	12/11/1962	Thôn 11, xã Di Linh	1				
351	ĐINH HOÀNG HUY	11/20/1977	Thôn 11, xã Di Linh	4		3		
352	ĐINH VĂN HỒ	6/10/1959	Thôn 11, xã Di Linh	2				
353	ĐINH VĂN HUYỀN	9/11/1962	Thôn 11, xã Di Linh	4		2		
354	DOÃN VĂN MINH	11/1/1977	Thôn 11, xã Di Linh	2		2		
355	HỒ TRẦN PHÚ ĐỨC	3/19/1975	Thôn 11, xã Di Linh	3		2		
356	LỀ MINH PHỤNG	8/15/1993	Thôn 12, xã Di Linh	6		2		
357	TRƯƠNG VIẾT THẮNG	2/1/1980	Thôn 12, xã Di Linh	4		3		
358	NGUYỄN THỊ DỮ	9/20/1959	Thôn 12, xã Di Linh	7		3		
359	HOÀNG THỊ THƠM	8/15/1968	Thôn 12, xã Di Linh	5		3		
360	HOÀNG THỊ ĐỨC	8/2/1959	Thôn 12, xã Di Linh	5		2		
361	HOÀNG THỊ MÃO	3/10/1949	Thôn 12, xã Di Linh	4		2		
362	HOÀNG VĂN QUYẾT	1/27/1979	Thôn 12, xã Di Linh	1		1		
363	TRẦN THỊ THUỲ HƯƠNG	3/31/1981	Thôn 12, xã Di Linh	2		1		

364	TẠ THỊ HOA	8/20/1959	Thôn 12, xã Di Linh	4		2		
365	NGUYỄN THANH HẢI	12/20/1964	Thôn 12, xã Di Linh	3		3		
366	MAI CHÍ THUẬN	10/2/1975	Thôn 12, xã Di Linh	3		1		
367	NGUYỄN MINH DŨNG	1/1/1974	Thôn 12, xã Di Linh	3		3		
368	SƠN THỊ ANH THƯ	6/29/2004	Thôn 12, xã Di Linh		2		2	
369	SONG CHẤN LỘC	5/16/1980	Thôn 12, xã Di Linh		3		2	
370	HOÀNG THỊ THƠM	8/15/1968	Thôn 12, xã Di Linh	1		1		
371	NGUYỄN MINH HẢI	11/10/1976	Thôn 12, xã Di Linh	2		2		
372	NGUYỄN VIẾT HOÀ	4/3/1974	Thôn 12, xã Di Linh	5		3		
373	NGUYỄN THỊ VÀNG	5/12/1959	Thôn 12, xã Di Linh	1				
374	BÙI VĂN QUẾ	4/2/1943	Thôn 12, xã Di Linh	6		3		
375	HUỲNH VĂN SÁU	7/8/1965	Thôn 12, xã Di Linh	7		5		
376	TRẦN THỊ THANH	2/14/1956	Thôn 12, xã Di Linh	1				
377	HUỲNH THỊ KIM YẾN	2/3/1985	Thôn 12, xã Di Linh	3		3		
378	NGUYỄN VŨ HUY BÌNH	8/30/1980	Thôn 12, xã Di Linh	5		2		
379	LÊ VĂN THẠO	12/8/1954	Thôn 12, xã Di Linh	5		1		
380	LÊ VĂN TRUNG	3/20/1979	Thôn 12, xã Di Linh	6		3		
381	MAI QUỐC HÙNG	5/25/1975	Thôn 12, xã Di Linh	4		3		
382	PHẠM VĂN TỐT	11/18/1955	Thôn 12, xã Di Linh	1				
383	VŨ THỊ CÓNG	1/1/1960	Thôn 13, xã Di Linh	1				
384	LƯƠNG THỊ THANH	10/11/1970	Thôn 13, xã Di Linh	5		3		
385	NGUYỄN NGỌC HÂN	5/6/1974	Thôn 13, xã Di Linh	4		4		
386	BÙI THỊ KIỀU MY	11/18/1987	Thôn 13, xã Di Linh	2		2		
387	BÙI THẾ TRUYỀN	10/10/1966	Thôn 13, xã Di Linh	2		1		
388	PHẠM THỊ THẮM	4/14/1980	Thôn 13, xã Di Linh	6		4		
389	DƯƠNG THỊ VÂN	11/25/1986	Thôn 13, xã Di Linh	3		2		
390	VĂN THỊ HỒNG ĐIỆP	12/12/1974	Thôn 13, xã Di Linh	2		2		
391	NGUYỄN KIM LỘC	7/24/1974	Thôn 13, xã Di Linh	3		3		
392	HỨA CẨM HOÀ	10/6/1969	Thôn 13, xã Di Linh	3		2		
393	NÌM A MÚI	5/10/1975	Thôn 13, xã Di Linh		3		3	
394	LÊ THỊ CÚC	1/15/1968	Thôn 13, xã Di Linh	3		2		
395	ĐẶNG XUÂN ÂM	11/12/1957	Thôn 13, xã Di Linh	7		3		
396	NĂM DINH	12/31/1978	Thôn 13, xã Di Linh		4		2	
397	LƯƠNG A KÍU	9/11/1968	Thôn 13, xã Di Linh		2		2	
398	NGUYỄN VĂN CHUNG	5/9/1977	Thôn 13, xã Di Linh	3		2		
399	LÊ THỊ DUNG	12/24/1955	Thôn 13, xã Di Linh	2		1		
400	PHẠM HỒNG QUANG	10/20/1964	Thôn 13, xã Di Linh	5		2		
401	NGUYỄN THỊ MINH	4/26/1967	Thôn 13, xã Di Linh	6		4		
402	TRẦN VĂN LONG	1/1/1962	Thôn 13, xã Di Linh	3		1		
403	LÊ HÙNG SƠN	1/10/1968	Thôn 13, xã Di Linh	2		2		
404	NGUYỄN HỮU HẠNH	3/7/1963	Thôn 13, xã Di Linh	4		3		
405	ĐOÀN TRUNG THÀNH	8/14/1982	Thôn 13, xã Di Linh	5		3		
406	NGUYỄN VĂN THẢO	5/21/1961	Thôn 13, xã Di Linh	7		3		
407	NĂM DANH	1/23/1977	Thôn 13, xã Di Linh		4		4	
408	NĂM NHỎ	1/1/1947	Thôn 13, xã Di Linh	9		4		
409	NGUYỄN VĂN TUẤN	8/22/1980	Thôn 13, xã Di Linh	5		4		
410	TRẦN QUANG LONG	11/22/1962	Thôn 13, xã Di Linh	3		1		
411	BẠCH THỊ GÁI	3/11/1978	Thôn 13, xã Di Linh	1		1		
412	NGUYỄN VĂN SƠN	10/25/1963	Thôn 13, xã Di Linh	4		2		
413	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	4/8/1958	Thôn 13, xã Di Linh	6		3		
414	HỒ THỊ MINH PHƯỢNG	1/1/1970	Thôn 13, xã Di Linh	4		3		
415	LƯƠNG VĂN NAM	3/1/1968	Thôn 14, xã Di Linh	6		4		
416	NGUYỄN NGỌC NAM	11/18/1979	Thôn 14, xã Di Linh	4		3		
417	LÊ THỊ TÂM	4/15/1963	Thôn 14, xã Di Linh	2		1		
418	TRẦN THỊ BÉ	1/22/1976	Thôn 14, xã Di Linh	5		4		
419	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	7/5/1958	Thôn 14, xã Di Linh	3		1		
420	NGUYỄN THỊ DUY LIÊN	9/4/1983	Thôn 14, xã Di Linh	3		3		
421	NGUYỄN THỊ LỘC	12/10/1959	Thôn 14, xã Di Linh	3		2		
422	TRẦN THỤY QUYÊN	7/12/1983	Thôn 15, xã Di Linh	4		1		
423	PHẠM QUÝ BAO	10/17/1977	Thôn 15, xã Di Linh	5		3		
424	NGUYỄN THỊ MỘNG THUÝ	11/25/1969	Thôn 15, xã Di Linh	3		3		
425	ĐOÀN QUANG LINH	11/20/1981	Thôn 15, xã Di Linh	2		2		
426	ĐOÀN VĂN DƯƠNG	7/20/1977	Thôn 15, xã Di Linh	4		2		
427	CHÂU THỊ TUYẾT NGA	11/19/1943	Thôn 15, xã Di Linh	6		5		
428	NGUYỄN THỊ LAN	11/25/1952	Thôn 15, xã Di Linh	1				
429	VŨ THỊ ĐÀO	5/4/1989	Thôn 15, xã Di Linh	4		2		
430	HOÀNG VĂN LAN	4/24/1982	Thôn 15, xã Di Linh	6		4		
431	NGUYỄN VĂN HẢI	1/6/1981	Thôn 15, xã Di Linh	5		2		
432	LÊ RỒ	2/6/1946	Thôn 15, xã Di Linh	4		2		
433	NGUYỄN QUANG TRIỀU	12/11/1957	Thôn 15, xã Di Linh	4		2		
434	NGUYỄN VĂN TIẾN	12/12/1970	Thôn 15, xã Di Linh	5		4		
435	CỒ THỊ KIM HƯƠNG	12/4/1964	Thôn 15, xã Di Linh	3		1		
436	TRẦN NHỰT TRUNG	1/25/1975	Thôn 15, xã Di Linh	4		3		
437	ĐẶNG NỮA	1/10/1951	Thôn 15, xã Di Linh	12		6		
438	TRẦN KHẮC LỘC	2/5/1981	Thôn 15, xã Di Linh	1		1		
439	PHẠM NGỌC TAM	10/12/1959	Thôn 15, xã Di Linh	2				

440	PHẠM THỊ KIM	6/6/1962	Thôn 15, xã Di Linh	4		2		
441	NGUYỄN PHAN VĨNH	2/5/1970	Thôn 15, xã Di Linh	4		4		
442	NGUYỄN THỊ PHỤNG	3/10/1962	Thôn 15, xã Di Linh	4		2		
443	ĐÀO VĂN TIẾN	12/16/1962	Thôn 15, xã Di Linh	4		2		
444	TRẦN THỊ LAN	4/27/1960	Thôn 15, xã Di Linh	1				
445	TRẦN VĂN MẾN	6/15/1965	Thôn 16, xã Di Linh	2		1		
446	BÙI THỊ THÀNH	1/12/1959	Thôn 16, xã Di Linh	2				
447	VƯƠNG NGỌC MINH	2/2/1950	Thôn 16, xã Di Linh	6		3		
448	LÊ THỊ THU THUỶ	2/1/1979	Thôn 16, xã Di Linh	3		2		
449	VÕ THỊ LIỄU	1937	Thôn 16, xã Di Linh	5		3		
450	LÊ THANH THUỶ	1/28/1977	Thôn 16, xã Di Linh	5		3		
451	CẦM THỊ MỘNG THU	6/13/1957	Thôn 16, xã Di Linh	4		1		
452	VÕ NGỌC NINH	5/11/1962	Thôn 16, xã Di Linh	4		2		
453	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	7/5/1960	Thôn 16, xã Di Linh	3		3		
454	DỰ THẮNG	5/5/1943	Thôn 16, xã Di Linh		4		2	
455	VY THỊ BẢN	11/2/1958	Thôn 16, xã Di Linh		4		2	
456	LÊ THỊ CHÂU	12/22/1957	Thôn 16, xã Di Linh	7		3		
457	TRẦN THỊ NGỌC HẠNH	4/6/1986	Thôn 16, xã Di Linh	6		5		
458	PHAN XUÂN HÀO	10/14/1977	Thôn 16, xã Di Linh	5		2		
459	LÊ BÁ KHOA	9/23/1975	Thôn 16, xã Di Linh	4		3		
460	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	1/14/1970	Thôn 16, xã Di Linh	5		5		
461	PHAN VĂN HƯNG	1969	Thôn 16, xã Di Linh	5		4		
462	NGUYỄN THỊ TÍNH	5/20/1968	Thôn 16, xã Di Linh	4		4		
463	BÙI THỊ XUÂN THU	8/1/1980	Thôn 16, xã Di Linh	4		4		
464	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	3/27/1983	Thôn 16, xã Di Linh	4		3		
465	NGÔ THỊ HOÀI THANH	9/30/1980	Thôn 16, xã Di Linh	5		4		
466	NGUYỄN THỊ TUYẾT	6/6/1973	Thôn 16, xã Di Linh	4		4		
467	TRẦN THANH SANG	1/1/1980	Thôn 16, xã Di Linh	4		3		
468	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	12/20/1959	Thôn 16, xã Di Linh	6		3		
469	LÊ THỊ XUÂN	3/11/1957	Thôn 16, xã Di Linh	3		1		
470	TRẦN PHƯỚC HẢI	11/19/1976	Thôn 16, xã Di Linh	4		3		
471	PHAN VĂN TIẾN	6/6/1963	Thôn 16, xã Di Linh	5		3		
472	NGUYỄN VĂN HOAN	3/3/1972	Thôn 16, xã Di Linh	5		4		
473	NGUYỄN VĂN THANH	12/27/1951	Thôn 16, xã Di Linh	2				
474	LÊ VĂN HÀ	7/12/1984	Thôn 16, xã Di Linh	6		2		
475	NÔNG QUỐC HÀ	10/15/1950	Thôn 16, xã Di Linh		4		2	
476	TRẦN MẠNH HÙNG	10/17/1947	Thôn 16, xã Di Linh	2				
477	NGUYỄN THỊ HOÀ	1/6/1953	Thôn 16, xã Di Linh	2		1		
478	HỒ NGỌC HÙNG	2/15/1971	Thôn 16, xã Di Linh	4		4		
479	NGUYỄN HỮU HÀ	4/24/1970	Thôn 16, xã Di Linh	4		4		
480	PHAN THỊ HƯƠNG	10/15/1957	Thôn 16, xã Di Linh	7		5		
481	NGUYỄN THỊ TÀI	6/6/1966	Thôn 16, xã Di Linh	3		3		
482	VƯƠNG ĐỨC THIỆN	8/4/1979	Thôn 16, xã Di Linh	6		2		
483	NGUYỄN KHÁNH	9/12/1977	Thôn 16, xã Di Linh	4		4		
484	PHƯƠNG THÁI PHƯỜNG	7/24/1966	Thôn 16, xã Di Linh	6		4		
485	DƯƠNG THỊ LÀI	12/1/1968	Thôn 16, xã Di Linh	5		3		
486	TRƯƠNG ĐÌNH THỐNG	5/25/1981	Thôn 16, xã Di Linh	6		4		
487	NGUYỄN THỊ THU	1/1/1953	Thôn 16, xã Di Linh	5		1		
488	VŨ THỊ NGUYỆT	1/13/1966	Thôn 16, xã Di Linh	3		3		
489	DƯƠNG VĂN MINH	8/11/1959	Thôn 16, xã Di Linh	8		3		
490	NAY H' LUYÊN	2/20/1983	Thôn 16, xã Di Linh		5		3	
491	TRẦN ĐỨC CHÍNH	5/27/1968	Thôn 16, xã Di Linh	8		5		
492	PHAN THANH HÀ	5/1/1975	Thôn 16, xã Di Linh	3		3		
493	TRẦN THỊ CÚC	11/14/1976	Thôn 16, xã Di Linh	4		3		
494	LÊ THANH HÀ	12/30/1970	Thôn 16, xã Di Linh	4		4		
495	TRỊNH VĂN HÙNG	12/24/1976	Thôn 16, xã Di Linh	5		4		
496	NGUYỄN PHƯỚC MINH	7/16/1953	Thôn 16, xã Di Linh	3		1		
497	LÊ NGỌC ANH	2/10/1975	Thôn 16, xã Di Linh	4		3		
498	LÊ THỊ THANH HẰNG	10/10/1984	Thôn 17, xã Di Linh	5		3		
499	PHẠM ĐỒNG	10/8/1971	Thôn 17, xã Di Linh	4		4		
500	PHAN THỊ KIM LOAN	1/12/1978	Thôn 17, xã Di Linh	4		3		
501	VŨ MINH SƠN	4/3/1963	Thôn 17, xã Di Linh	4		4		
502	NGUYỄN THỊ TIẾN	2/10/1968	Thôn 17, xã Di Linh	7		7		
503	NGUYỄN ĐẶNG NHẬT	1/3/1985	Thôn 17, xã Di Linh	5		3		
504	LƯƠNG THU ĐÀO	3/13/1962	Thôn 17, xã Di Linh	5		3		
505	NGUYỄN TRÍ ĐỨC	2/8/1983	Thôn 17, xã Di Linh	5		2		
506	NGUYỄN BÁ TƯỚC	10/15/1968	Thôn 17, xã Di Linh	4		2		
507	TRƯƠNG THỊ XUÂN	2/3/1964	Thôn 17, xã Di Linh	3		2		
508	ĐOÀN THỊ XUÂN MAI	5/19/1980	Thôn 17, xã Di Linh	4		3		
509	NGUYỄN VĂN HÙNG	11/9/1961	Thôn 17, xã Di Linh	5		3		
510	VÕ LÊ PHƯƠNG THẢO	12/19/1980	Thôn 17, xã Di Linh	7		5		

511	TRƯƠNG THỊ KIM DUNG	5/27/1977	Thôn 17, xã Di Linh	3		3		
512	PHẠM THỊ MINH THUỶ	1/27/1973	Thôn 17, xã Di Linh	4		4		
513	NGUYỄN NGỌC THUỶ TRANG	9/30/1995	Thôn 17, xã Di Linh	5		3		
514	VÕ THỊ HAI	1/1/1961	Thôn 17, xã Di Linh	4		3		
515	VÕ THỊ KIM NHUNG	10/20/1973	Thôn 17, xã Di Linh	5		4		
516	TRẦN THỊ LUẬT	3/2/1987	Thôn 17, xã Di Linh	4		4		
517	DƯƠNG DOANH	8/4/1979	Thôn 17, xã Di Linh	5		3		
518	NGUYỄN THỊ TIỀN	1/1/1961	Thôn 17, xã Di Linh	2		2		
519	LÊ VĂN TĨNH	2/26/1965	Thôn 17, xã Di Linh	8		5		
520	NGUYỄN ĐÌNH LỢI	11/10/1967	Thôn 18, xã Di Linh	4		4		
521	NGUYỄN THỊ HOÀ	7/4/1975	Thôn 18, xã Di Linh	3		3		
522	LÊ QUANG KHIÊM	4/20/1955	Thôn 18, xã Di Linh	2				
523	NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA	1/1/1947	Thôn 18, xã Di Linh	5		3		
524	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	4/30/1975	Thôn 19, xã Di Linh	3		3		
525	VŨ THỊ MAI	1/17/1957	Thôn 19, xã Di Linh	2		1		
526	HUỲNH THỊ HOA	12/25/1975	Thôn 19, xã Di Linh	4		2		
527	LƯ THỊ HOÀNG HOA	4/10/1959	Thôn 19, xã Di Linh	2		1		
528	BÙI THÀNH DANH	7/20/1977	Thôn 19, xã Di Linh	4		2		
529	HUỲNH BÁ ĐẠT	8/24/1964	Thôn 19, xã Di Linh	4		3		
530	ĐẶNG THẾ NHÂN	1/20/1972	Thôn 19, xã Di Linh	2		2		
531	NGUYỄN QUANG TÂM	8/6/1979	Thôn 19, xã Di Linh	3		2		
532	LÊ THỊ THU THANH	11/16/1973	Thôn 19, xã Di Linh	2		2		
533	KA THỊ ÁNH HỒNG	11/26/1976	Thôn 20, xã Di Linh		4		3	
534	TRẦN ĐÌNH BẢY	3/8/1976	Thôn 20, xã Di Linh	4		3		
535	NGUYỄN THỊ LAN	8/3/1969	Thôn 20, xã Di Linh	2		2		
536	LÊ XUÂN VIỆT	5/10/1950	Thôn 20, xã Di Linh	7		4		
537	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	6/20/1974	Thôn 20, xã Di Linh	3		2		
538	NGUYỄN THỊ THU HÀ	10/2/1963	Thôn 20, xã Di Linh	4		3		
539	K' BRỐP	2/2/1966	Thôn Ka Ming		5		3	
540	K' BRANH	7/10/1987	Thôn Ka Ming		6		4	
541	K' BRAO	1/3/1959	Thôn Ka Ming		5		3	
542	K' BRIM	2/10/1978	Thôn Ka Ming		4		3	
543	K' BRIL	4/9/1986	Thôn Ka Ming		4		3	
544	K' BRÓI	1/1/1961	Thôn Ka Ming		3		2	
545	KA LƠM	1/1/1975	Thôn Ka Ming		5		3	
546	K' NHUNG	10/18/1986	Thôn Ka Ming		4		3	
547	K' BRỢP	10/9/1984	Thôn Ka Ming		4		3	
548	KA HY	6/27/1970	Thôn Ka Ming		8		5	
549	K' MÊL	3/16/1984	Thôn Ka Ming		6		3	
550	KA NHÌS	8/1/1983	Thôn Ka Ming		8		4	
551	TAM BOU BRƯH	10/1/1978	Thôn Ka Ming		5		3	
552	NHÔNH	1/1/1951	Thôn Ka Ming		6		2	
553	K' BRÙI	1/1/1989	Thôn Ka Ming		6		4	
554	K' BIN	3/6/1974	Thôn Ka Ming		6		5	
555	TAM BOU SÒI	5/15/1964	Thôn Ka Ming		3		3	
556	KA HÒS	10/10/1990	Thôn Ka Ming		7		4	
557	K' GẸO	2/26/1968	Thôn Ka Ming		6		4	
558	KA THU TAM BOU	11/6/1989	Thôn Ka Ming		5		3	
559	K' ĐƯỜNG	12/20/1991	Thôn Ka Ming		4		2	
560	K' DY TUẤN	11/18/1989	Thôn Ka Ming		3		3	
561	K' TÈM	1/1/1964	Thôn Ka Ming		6		3	
562	K' SOL	7/15/1956	Thôn Ka Ming		5		2	
563	MOUL SỰ	4/3/1978	Thôn Ka Ming		5		4	
564	K' BRỪM	11/30/1984	Thôn Ka Ming		3		2	
565	K' BIS	3/18/1984	Thôn Ka Ming		3		2	
566	K BRỒL	7/10/1977	Thôn Ka Ming		7		5	
567	K' BRAH	9/25/1981	Thôn Ka Ming		4		3	
568	K' BYỘI	12/25/1993	Thôn Ka Ming		4		2	
569	K' SƠN	6/10/1964	Thôn Ka Ming		4		3	
570	K' LỜNG	3/2/1995	Thôn Ka Ming		4		2	
571	K' SÍ	5/7/1996	Thôn Ka Ming		4		2	
572	Y THỀ DA CHA	7/26/1973	Thôn Ka Ming		8		5	
573	TAM BOU PHƯƠNG	5/3/2002	Thôn Ka Ming		3		2	
574	K' KRÍP TAM BOU	4/9/1984	Thôn Ka Ming		4		3	
575	TAM BOU BRÍS	4/9/1995	Thôn Ka Ming		4		2	
576	K' BRƠI	8/21/1997	Thôn Ka Ming		3		2	
577	K' SOÈN	8/18/1985	Thôn Ka Ming		3		2	
578	KA KÈM	1/1/1954	Thôn Ka Ming		5		2	
579	K' ĐÔS	11/1/1988	Thôn Ka Ming		3		2	
580	MOLOM HOÀ	1/31/2001	Thôn Ka Ming		3		2	
581	K' BROIH	9/2/1963	Thôn Ka Ming		6		4	
582	KA NHỐI	1/1/1963	Thôn Ka Ming		5		4	
583	K' BROL	1/1/1970	Thôn Ka Ming		5		4	
584	K' MẺOH	6/10/1978	Thôn Ka Ming		5		4	
585	KA THUỴ	4/12/1991	Thôn Ka Ming		7		4	
586	K' BROI	8/2/1969	Thôn Ka Ming		6		4	
587	K' BÌNH	1/1/1989	Thôn Ka Ming		4		2	
588	K' BRỒM	12/21/1979	Thôn Ka Ming		5		4	
589	K' BÒS	12/17/1976	Thôn Ka Ming		6		5	
590	K' SỒN	4/14/1973	Thôn Ka Ming		5		4	
591	K' BRỆT	10/5/1969	Thôn Ka Ming		8		6	
592	K' BRỘP	10/25/1983	Thôn Ka Ming		7		5	
593	K' TUYN	6/7/1990	Thôn Ka Ming		4		3	
594	K' BRAN	1/1/1958	Thôn Ka Ming		3		2	

595	K' BRA	5/21/1962	Thôn Ka Ming		6	3	
596	KA LAN	11/15/1987	Thôn Ka Ming		5	3	
597	K' BÉS	9/1/1966	Thôn Ka Ming		2	2	
598	K' WỀN	1/1/1968	Thôn Ka Ming		7	4	
599	K' BRỐI	10/22/1990	Thôn Ka Ming		3	2	
600	K' BRỘI	1/1/1962	Thôn Ka Ming		11	7	
601	K' YẢNG	8/6/1992	Thôn Ka Ming		3	2	
602	K' BRUI	12/18/1986	Thôn Ka Ming		4	2	
603	K' LÂM	2/19/1990	Thôn Ka Ming		3	3	
604	K' HUY	3/26/1997	Thôn Ka Ming		4	2	
605	K' ĐIS	9/20/1991	Thôn Ka Ming		4	2	
606	TAM BOU BRÌL	6/10/1988	Thôn Ka Ming		5	2	
607	K' BRỆP	2/13/1968	Thôn Ka Ming		6	4	
608	K' SÔL	10/14/1966	Thôn Ka Ming		6	4	
609	K' BRỀM	10/12/1970	Thôn Ka Ming		7	5	
610	KA HÌS	4/27/1987	Thôn Ka Ming		7	3	
611	K' BROL	10/9/1987	Thôn Ka Ming		4	2	
612	K' SƠN MO LOM	1/1/1972	Thôn Ka Ming		4	4	
613	KA DỘI	1/1/1969	Thôn Ka Ming		4	3	
614	K' BRAO	1/1/1973	Thôn Ka Ming		7	5	
615	K' BRỪM	1/7/1989	Thôn Ka Ming		4	3	
616	K' LIỀM	7/17/1975	Thôn Ka Ming		8	7	
617	K' BRỌI	12/3/1956	Thôn Ka Ming		8	3	
618	K' BRỪI	4/8/1988	Thôn Ka Ming		5	3	
619	K' SOUD	9/24/1985	Thôn Ka Ming		3	2	
620	K' SUS	2/18/1990	Thôn Ka Ming		3	2	
621	K' BẾP	6/16/1981	Thôn Ka Ming		3	2	
622	K' BRỘI	1/1/1959	Thôn Ka Ming		8	4	
623	K' ĐINH	10/3/1989	Thôn Ka Ming		5	3	
624	K YẾP	8/20/1983	Thôn Ka Ming		6	2	
625	KAO MING SUN TAM BOU	3/14/1985	Thôn Ka Ming		5	3	
626	K' SỜM	3/9/1980	Thôn Ka Ming		4	3	
627	KA HỚP TAM BOU	4/23/1978	Thôn Ka Ming		3	2	
628	KA HƯƠNG	12/10/1972	Thôn Ka Ming		6		
629	TAM BOU MỸ	3/30/1984	Thôn Ka Ming		4	3	
630	TRIA	10/14/1975	Thôn Ka Ming		4	2	
631	K' SƠNG	10/28/1987	Thôn Ka Ming		7	5	
632	K' BRÀO	8/30/1983	Thôn Ka Ming		4	3	
633	BRỤI KƠ MÉ TUYỀN	7/20/1987	Thôn Ka Ming		5	2	
634	K' JỊP	1/1/1954	Thôn Ka Ming		7	3	
635	K' BRỪM	2/12/1975	Thôn Ka Ming		7	6	
636	K' GOUY	8/26/1982	Thôn Ka Ming		4	3	
637	ROBERT GHIZ TAM BOU	11/28/1973	Thôn Ka Ming		7	5	
638	K' BRỪN	7/11/1986	Thôn Ka Ming		4	2	
639	K' BRUS	7/5/1959	Thôn Ka Ming		4	3	
640	KA HÀNH TAM BOU	7/28/1981	Thôn Ka Ming		4	2	
641	K' BYIL	10/6/1983	Thôn Ka Ming		6	4	
642	MÒ DÊH RÉ MY	6/20/1987	Thôn Ka Ming		4	2	
643	K' BRÀN	3/3/1979	Thôn Ka Ming		4	3	
644	K' SEN	3/27/1946	Thôn Ka Ming		4	2	
645	K' BRING	8/10/1986	Thôn Ka Ming		5	4	
646	K' Sel	8/27/1963	Thôn Ka Ming		6	4	
647	K' SWYS TAM BOU	5/22/1990	Thôn Ka Ming		4	2	
648	KA NHỎIH	1/1/1968	Thôn Ka Ming		5	4	
649	K' BRÌ TAM BOU	5/5/1986	Thôn Ka Ming		4	3	
650	KA NHỐP	1/1/1959	Thôn Ka Ming		1		
651	K' SỨ	12/24/1992	Thôn Ka Ming		5	2	
652	KA' THUỴ	12/5/1997	Thôn Ka Ming		4	2	
653	KA HOIH	1/1/1965	Thôn Ka Ming		7	4	
654	KA RÍP	1/1/1944	Thôn Ka Ming		11	5	
655	KA HIL	8/2/1962	Thôn Ka Ming		3	2	
656	K' GẾS	1/1/1979	Thôn Ka Ming		5	3	
657	KA NHOS	1/30/1970	Thôn Ka Ming		4	3	
658	K' BRỊP	2/15/1989	Thôn Ka Ming		5	2	
659	K' BRÈS	1/1/1961	Thôn Ka Ming		3	1	
660	KA NGỌC BÍCH	1/20/1991	Thôn Ka Ming		5	2	
661	TAM BOU BRỚT	1/19/1982	Thôn Ka Ming		3	3	
662	K' BÀS	2/20/1967	Thôn Ka Ming		5	3	
663	KA DỘI	1/1/1972	Thôn Ka Ming		5	4	
664	KA NẾU	1/12/1961	Thôn Ka Ming		4	3	

665	KA THANH DUNG	3/20/1991	Thôn Ka Ming		3	1	
666	K' SỐI	12/31/1968	Thôn Ka Ming		4	2	
667	KA HOÌH	9/26/1965	Thông Di Ling Thượng 1		4	4	
668	K' KIN	1/1/1969	Thông Di Ling Thượng 1		6	4	
669	K'BRÒI	7/4/1973	Thông Di Ling Thượng 1		2	2	
670	K' SUM	8/12/1987	Thông Di Ling Thượng 1		3	2	
671	K' BỚT	1/1/1947	Thông Di Ling Thượng 1		2		
672	KA NHIỀU	1/1/1949	Thông Di Ling Thượng 1		4	2	
673	K' DŨNG RƠ BO	9/3/1976	Thông Di Ling Thượng 1		4	4	
674	K' SÁT	4/12/1958	Thông Di Ling Thượng 1		5	2	
675	VŨ VĂN KHOẮC	8/27/1958	Thông Di Ling Thượng 1	3		1	
676	K' BRỒM	5/15/1976	Thông Di Ling Thượng 1		7	5	
677	K' BRÚT	10/29/1972	Thông Di Ling Thượng 1		6	5	
678	K' MƯS	11/5/1983	Thông Di Ling Thượng 1		5	2	
679	KA HÉ	6/12/1954	Thông Di Ling Thượng 1		2	1	
680	K' BRIS	7/28/1974	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
681	KA MOUL THUYÊN	7/14/1987	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
682	K' VINH	12/9/1979	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
683	NGUYỄN THỊ KIM ANH	5/20/1965	Thông Di Ling Thượng 1	4		2	
684	KA MỸ HOÀNG	12/7/1974	Thông Di Ling Thượng 1		5	3	
685	MUL NHUNG	4/28/1989	Thông Di Ling Thượng 1		4	2	
686	K' NHẬT	8/20/1997	Thông Di Ling Thượng 1		2	1	
687	K' MINH	1/1/1970	Thông Di Ling Thượng 1		5	4	
688	KA NHÌS	8/6/1984	Thông Di Ling Thượng 1		4	4	
689	KA DỜM	8/17/1972	Thông Di Ling Thượng 1		2	2	
690	KA PHIÊU	1/1/1964	Thông Di Ling Thượng 1		6	4	
691	K' MOUL SEN	3/2/1964	Thông Di Ling Thượng 1		7	6	
692	MUL KIN	1/1/1971	Thông Di Ling Thượng 1		5	4	
693	KA THIÊN	2/28/1988	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
694	KA HÌS	10/30/1991	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
695	KA NHỎI	1/1/1967	Thông Di Ling Thượng 1		5	5	
696	KA TUYẾT	8/6/1993	Thông Di Ling Thượng 1		5	3	
697	K' BRỘI	2/15/1978	Thông Di Ling Thượng 1		6	4	
698	MUL SỀM	4/1/1960	Thông Di Ling Thượng 1		6	4	
699	K' MÔ	5/29/1967	Thông Di Ling Thượng 1		5	4	
700	K' SÌN	5/8/1976	Thông Di Ling Thượng 1		6	5	
701	K' GỀM	6/12/1966	Thông Di Ling Thượng 1		5	3	
702	KA HÀN	1/1/1965	Thông Di Ling Thượng 1		2	2	
703	KA HY	5/25/1977	Thông Di Ling Thượng 1		4	3	
704	K' BRỎIH	4/19/1969	Thông Di Ling Thượng 1		5	5	
705	KA DỀM	7/16/1969	Thông Di Ling Thượng 1		7	3	
706	MOUL BROIH	1/1/1962	Thông Di Ling Thượng 1		3	2	
707	K' SỘI	3/19/1962	Thông Di Ling Thượng 1		4	3	
708	K' XUÂN MO LAM	1/1/1979	Thông Di Ling Thượng 1		4	4	
709	K' SỎI	8/4/1969	Thông Di Ling Thượng 1		6	5	
710	MOOCK BRỎI	3/11/1958	Thông Di Ling Thượng 1		4	3	
711	MOUL NHẠI	1/1/1941	Thông Di Ling Thượng 1		4	3	
712	K' SƠN	4/18/1979	Thông Di Ling Thượng 1		3	2	
713	KA HEOH	1/1/1953	Thông Di Ling Thượng 1		7	4	
714	K' BRIM	1/19/1988	Thông Di Ling Thượng 1		5	2	
715	MOUL CHÚC	1/1/1975	Thông Di Ling Thượng 1		2	2	
716	MOUL NUYS	4/18/1985	Thông Di Ling Thượng 1		4	4	
717	KA HỪS	4/14/1983	Thông Di Ling Thượng 1		5	3	
718	MUL SEN	9/24/1979	Thông Di Ling Thượng 1		4	3	
719	KA LỒM	5/4/1971	Thông Di Ling Thượng 1		1	1	
720	KA NHIM	9/16/1979	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
721	K' BRỀM	8/4/1966	Thông Di Ling Thượng 1		4	4	
722	K' LÌM	1/1/1970	Thông Di Ling Thượng 1		4	3	
723	K' CHÀNG	5/26/1984	Thông Di Ling Thượng 1		5	3	
724	Y SÀNG	8/22/1980	Thông Di Ling Thượng 1		5	3	
725	K' SẾT	1/1/1964	Thông Di Ling Thượng 1		5	3	
726	K' NHÌM	8/25/1971	Thông Di Ling Thượng 1		6	4	
727	MUL QUỲNH	12/8/1997	Thông Di Ling Thượng 1		2	5	
728	KA HUYỀNH	4/19/1987	Thông Di Ling Thượng 1		7	4	
729	K' BOI	5/15/1970	Thông Di Ling Thượng 1		11	6	
730	MOOCK DÕ	8/19/1972	Thông Di Ling Thượng 1		7	5	
731	K' SOAN	9/16/1980	Thông Di Ling Thượng 1		5	4	
732	KA HENG	4/20/1964	Thông Di Ling Thượng 1		3	2	
733	K' MIN	1/1/1967	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
734	K' NHỎI	9/12/1979	Thông Di Ling Thượng 1		7	5	
735	KA' NHI	2/27/1994	Thông Di Ling Thượng 1		2	2	
736	MOOCK DỰP	3/26/1986	Thông Di Ling Thượng 1		5	3	
737	Y HỒ	9/28/1967	Thông Di Ling Thượng 1		6	4	
738	KA NHÔL	1/1/1960	Thông Di Ling Thượng 1		2	2	
739	TAM BOU BRANH	7/22/1969	Thông Di Ling Thượng 1		7	6	
740	KA NHOS	5/15/1992	Thông Di Ling Thượng 1		4	2	
741	K' BRẾP	8/28/1967	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
742	KA DEOH	7/29/1957	Thông Di Ling Thượng 1		1		
743	K' NHẬT	7/16/1972	Thông Di Ling Thượng 1		3	3	
744	MOUL THỆP	1/1/1943	Thông Di Ling Thượng 1		9	5	
745	K' MOUL SƠN	1/10/1961	Thông Di Ling Thượng 1		2	1	
746	K' BRỀUH MOULLÉ	4/18/1965	Thông Di Ling Thượng 1		5	4	
747	KA MỸ HUỆ	2/28/1971	Thông Di Ling Thượng 1		1	1	

748	MOUL BRIM	2/7/1957	Thông Di Ling Thượng 1		5		2	
749	KA DÈS	9/20/1970	Thông Di Ling Thượng 1		5		3	
750	K' BRẸT	1/6/1968	Thông Di Ling Thượng 1		7		5	
751	MOLOM THUỲ	1/22/1984	Thông Di Ling Thượng 1		4		3	
752	MOLOM THU	1/1/1961	Thông Di Ling Thượng 1		3		2	
753	KA NHỒIH	6/2/1970	Thông Di Ling Thượng 1		5		4	
754	MOLOM NHIỀU	1/1/1960	Thông Di Ling Thượng 1		5		4	
755	TOU PHUI BRỮN	10/17/1965	Thông Di Ling Thượng 1		7		4	
756	RƠ BO LỰU	12/2/1981	Thông Di Ling Thượng 1		2		2	
757	KA HỊP	1/1/1953	Thông Di Ling Thượng 1		7		5	
758	K' BIỀN	2/28/1960	Thông Di Ling Thượng 1		6		3	
759	K' BIM	9/25/1975	Thông Di Ling Thượng 1		4		3	
760	K' JIÔNG	1/1/1990	Thông Di Ling Thượng 1		2		2	
761	K' BRÔ	9/24/1978	Thông Di Ling Thượng 1		4		3	
762	K' MỒS	1/1/1968	Thông Di Ling Thượng 1		7		6	
763	MUL NHIN	7/26/1981	Thông Di Ling Thượng 1		3		2	
764	KA HẢI	12/22/1969	Thông Di Ling Thượng 1		6		4	
765	K' MÈS	3/15/1978	Thông Di Ling Thượng 1		4		3	
766	KA MỸ HÀNG	12/29/1969	Thông Di Ling Thượng 1		5		4	
767	K' BRỒM	8/15/1976	Thông Di Ling Thượng 1		4		3	
768	K' BROH	1/1/1973	Thông Di Ling Thượng 1		3		3	
769	K' BRỪN	1/12/1971	Thông Di Ling Thượng 1		4		4	
770	KA HỜN	1/1/1967	Thông Di Ling Thượng 1		2		2	
771	MUL LƯU	11/19/1978	Thông Di Ling Thượng 1		4		4	
772	K' BRỌP	1/1/1966	Thông Di Ling Thượng 1		6		4	
773	MOLOM SỬU	10/21/1982	Thông Di Ling Thượng 1		4		4	
774	K' LIM	10/6/1979	Thông Di Ling Thượng 1		3		3	
775	KA DÒI	1/1/1941	Thông Di Ling Thượng 1		4		2	
776	K' BRỒIH	7/23/1975	Thông Di Ling Thượng 1		2		2	
777	MUL DES	2/12/1973	Thông Di Ling Thượng 1		6		4	
778	NGUYỄN THỊ MAI	12/23/1969	Thông Di Ling Thượng 1	2		2		
779	K' BRỪI	1/3/1970	Thông Di Ling Thượng 1		6		5	
780	K' BRỒI	9/2/1968	Thông Di Ling Thượng 1		6		4	
781	KA BRÌU	12/23/1957	Thông Di Ling Thượng 1		9		6	
782	K' TIẾN	5/4/1993	Thông Di Ling Thượng 1		4		2	
783	K' TUYN	6/1/1964	Thông Di Ling Thượng 1		8		5	
784	K' BRỀM	4/15/1960	Thông Di Ling Thượng 1		6		4	
785	KA LY	11/17/1981	Thông Di Ling Thượng 1		7		6	
786	K' BRỘP	5/26/1967	Thông Di Ling Thượng 1		6		5	
787	MOLOM XÔ	10/13/1988	Thông Di Ling Thượng 1		4		2	
788	MOUL BRIM	1/1/1975	Thông Di Ling Thượng 1		4		3	
789	K' SỸ	11/17/1979	Thông Di Ling Thượng 1		4		3	
790	KA DỒM	1/1/1951	Thông Di Ling Thượng 1		2		1	
791	K' BRÀNG	1/1/1967	Thông Di Ling Thượng 1		6		5	
792	K' BRỆP	3/9/1967	Thông Di Ling Thượng 1		3		3	
793	K' BRÓP	3/19/1970	Thông Di Ling Thượng 1		4		4	
794	NGUYỄN QUANG HIẾU	8/17/1963	Thông Di Ling Thượng 1	4		2		
Tổng cộng: 794 hộ				**2,069**	**1,308**	1,361	887	**0**

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ DI LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Di Linh, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH HỘ LÀM NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2026

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Số khẩu		SỐ NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG		Ghi chú
				Kinh	DTTS	Kinh	DTTS	
1	NGUYỄN THỊ SEN	3/8/1981	Thôn Hàng Hải	3		3		
2	NGUYỄN THỊ HẠNH	6/6/1978	Thôn Hàng Hải	5		5		
3	VŨ VĂN TUỆ	1/1/1978	Thôn Hàng Hải	6		3		
4	NGUYỄN VĂN HOAN	2/27/1974	Thôn Hàng Hải	5		4		
5	PHẠM TRUNG HOÀNG	1/1/1974	Thôn Hàng Hải	4		4		
6	NGUYỄN THỊ XIÊM	5/10/1963	Thôn Hàng Hải	8		3		
7	NGUYỄN DUY CHINH	12/26/1967	Thôn Hàng Hải	3		3		
8	TRỊNH HUY ĐÔNG	10/15/1981	Thôn Hàng Hải	6		4		
9	PHẠM VĂN CAO	1/5/1985	Thôn Hàng Hải	4		2		
10	NGUYỄN VĂN CHINH	8/7/1963	Thôn Hàng Hải	4		3		
11	LÂM VĂN HƯƠNG	5/7/1973	Thôn Hàng Hải	5		4		
12	BÙI VĂN GIANG	9/13/1974	Thôn Hàng Hải	4		4		
13	BÙI VĂN LIÊM	3/10/1981	Thôn Hàng Hải	3		2		
14	NGUYỄN THỊ THÂN	1/1/1954	Thôn Hàng Hải	2		1		
15	NGUYỄN VĂN TRIỀU	6/16/1986	Thôn Hàng Hải	4		2		
16	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1/1/1976	Thôn Hàng Hải	4		4		
17	NGUYỄN ĐỨC LONG	1/15/1978	Thôn Hàng Hải	4		2		
18	LÊ THỊ MAI HOA	11/23/1961	Thôn Hàng Hải	4		2		
19	NGUYỄN MẠNH DŨNG	9/25/1985	Thôn Hàng Hải	5		3		
20	TRẦN VĂN NAM	8/2/1990	Thôn Hàng Hải	4		2		
21	NGUYỄN MINH HOÀNG	9/2/1958	Thôn Hàng Hải	6		4		
22	NGUYỄN VĂN HUY	9/19/1988	Thôn Hàng Hải	5		2		
23	ĐỖ VĂN BẢNG	4/4/1974	Thôn Hàng Hải	5		4		
24	PHẠM VĂN CHU	10/11/1967	Thôn Hàng Hải	3		3		
25	NGUYỄN VĂN DŨNG	9/5/1982	Thôn Hàng Hải	4		2		
26	BÙI BẢO HUY	7/20/1975	Thôn Hàng Hải	6		5		
27	ĐỖ VĂN LUYỆN	11/8/1976	Thôn Hàng Hải	6		5		
28	PHẠM VĂN CHIÊN	1/1/1978	Thôn Hàng Hải	5		5		
29	TRẦN VĂN THỊNH	1/1/1982	Thôn Hàng Hải	5		3		
30	TRẦN THỊ NGỌC	12/27/1989	Thôn Hàng Hải	4		2		
31	PHẠM VĂN HÙNG	12/18/1986	Thôn Hàng Hải	5		2		
32	HOÀNG VĂN THANH	1/1/1975	Thôn Hàng Hải	5		5		
33	VŨ THẾ DUÂN	11/20/1977	Thôn Hàng Hải	5		5		
34	NGUYỄN VĂN THỌ	3/12/1985	Thôn Hàng Hải	7		3		
35	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	1/1/1983	Thôn Hàng Hải	5		4		
36	ĐẶNG VĂN THỆN	1/1/1965	Thôn Hàng Hải	5		4		
37	ĐẶNG VĂN ĐIỀN	1/21/1985	Thôn Hàng Hải	5		2		
38	NGUYỄN TRÚC PHƯỜNG	4/9/1989	Thôn Hàng Hải	4		2		
39	ĐOÀN THỊ THU	1/1/1956	Thôn Hàng Hải	7		2		
40	ĐẶNG VĂN PHONG	5/4/1976	Thôn Hàng Hải	5		4		
41	NGUYỄN VĂN BÌNH	9/23/1980	Thôn Hàng Hải	5		2		
42	NGÔ SƠN HÀ	1974	Thôn Hàng Hải	4		4		
43	PHẠM VĂN HUYNH	1/1/1971	Thôn Hàng Hải	6		5		
44	TRẦN VĂN LỢI	9/10/1970	Thôn Hàng Hải	8		6		
45	TRẦN VĂN HÒA	8/19/1973	Thôn Hàng Hải	5		5		
46	NGUYỄN THỊ THẮM	10/12/1981	Thôn Hàng Hải	5		3		
47	NGUYỄN VĂN TRANG	1/1/1979	Thôn Hàng Hải	4		4		
48	TRẦN VĂN HẢI	7/27/1979	Thôn Hàng Hải	3		2		
49	PHẠM THỊ PHƯỢNG	1/1/1976	Thôn Hàng Hải	5		5		

50	BÙI VĂN CHANH	3/14/1979	Thôn Hàng Hải	3		2		
51	ĐINH VĂN LÚNG	12/1/1957	Thôn Hàng Hải	6		4		
52	BÙI VĂN CHIẾN	1975	Thôn Hàng Hải	2		2		
53	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1/1/1965	Thôn Hàng Hải	8		2		
54	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	8/14/1951	Thôn Hàng Hải	2		1		
55	NGUYỄN VĂN THẮNG	4/13/1982	Thôn Hàng Hải	4		4		
56	NGUYỄN THỊ LÁI	1/1/1963	Thôn Hàng Hải	2		1		
57	TRẦN VĂN PHẤN	1/12/1950	Thôn Hàng Hải	7		3		
58	BÙI NGỌC HOÀNG	9/7/1993	Thôn Hàng Hải	5		2		
59	ĐÀM VĂN CHÍNH	5/10/1976	Thôn Hàng Hải	4		4		
60	BÙI VĂN CƯỜNG	1/1/1962	Thôn Hàng Hải	9		4		
61	TRẦN VĂN THANH	6/6/1974	Thôn Hàng Hải	4		4		
62	ĐINH VĂN CƯỜNG	1/1/1981	Thôn Hàng Hải	4		2		
63	ĐOÀN VĂN ÂN	10/8/1952	Thôn Hàng Hải	2				
64	NGUYỄN THỊ MIÊNG	3/10/1957	Thôn Hàng Hải	1				
65	LÂM VĂN TUẤN	8/10/1958	Thôn Hàng Hải	2				
66	ĐỖ VĂN SƠN	1/1/1958	Thôn Hàng Hải	2				
67	VŨ VĂN TRỌNG	1/23/1970	Thôn Hàng Hải	4		4		
68	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	1/12/1965	Thôn Hàng Hải	3		1		
69	ĐỖ XUÂN SANG	9/11/1988	Thôn Hàng Hải	5		2		
70	LÊ THÀNH NGHỊ	11/10/1969	Thôn Hàng Hải	6		4		
71	NGUYỄN VĂN GIANG	9/26/1980	Thôn Hàng Hải	5		5		
72	NGUYỄN VĂN TUÂN	11/10/1990	Thôn Hàng Hải	5		2		
73	ĐẶNG VĂN VĨNH	5/3/1967	Thôn Hàng Hải	3		2		
74	VŨ VĂN CƯỜNG	2/24/1979	Thôn Hàng Hải	5		4		
75	TRẦN VĂN SỸ	2/14/1956	Thôn Hàng Hải	9		4		
76	HUỲNH THỊ NGA BÍCH	1976	Thôn Hàng Hải	5		4		
77	NINH VĂN ĐÀM	2/20/1967	Thôn Hàng Hải	2		2		
78	NINH VĂN DƯƠNG	5/14/1958	Thôn Hàng Hải		4		3	
79	LÂM THANH VĨNH	7/15/1985	Thôn Hàng Hải	4		2		
80	NGUYỄN VĂN LỘC	6/15/1963	Thôn Hàng Hải	2		2		
81	HOÀNG VĂN GIẢNG	7/20/1981	Thôn Hàng Hải	5		3		
82	NGUYỄN VĂN VINH	8/18/1976	Thôn Hàng Hải	5		3		
83	TRẦN THỊ TRÀM	12/17/1988	Thôn Hàng Hải	5		3		
84	ĐẶNG THỊ THUÝ	3/20/1972	Thôn Hàng Hải	3		3		
85	LÂM THỊ THU TUYẾT	9/20/1994	Thôn Hàng Hải	4		2		
86	ĐẶNG THỊ SỆN	10/30/1968	Thôn Hàng Hải	1		1		
87	NGUYỄN VĂN TUYỀN	4/4/1975	Thôn Hàng Hải	5		5		
88	ĐẶNG VĂN HIỆP	5/19/1983	Thôn Hàng Hải	5		3		
89	ĐẶNG VĂN LÂM	5/10/1988	Thôn Hàng Hải	5		2		
90	ĐỖ VĂN ĐẠI	10/11/1973	Thôn Hàng Hải	8		6		
91	NGUYỄN THẾ NĂNG	6/1/1959	Thôn Hàng Hải	2				
92	NGUYỄN THỊ THUÝ	9/25/1985	Thôn Hàng Hải	4		4		
93	TRẦN QUỐC LƯỢNG	8/2/1973	Thôn Hàng Hải	6		5		
94	TRẦN MẠNH TUYỀN	4/6/1968	Thôn Hàng Hải	2		2		
95	DƯƠNG VĂN THÁI	2/23/1990	Thôn Hàng Hải	2		2		
96	NGUYỄN THỊ GIẢNG	9/3/1955	Thôn Hàng Hải	2		1		
97	ĐỖ VĂN THÀNH	5/4/1980	Thôn Hàng Hải	5		3		
98	VŨ THỊ NGA	12/26/1974	Thôn Hàng Hải	5		2		
99	TRẦN THANH NGHỊ	7/28/1988	Thôn Hàng Hải	4		2		
100	NGÔ THỊ GẤM	8/20/1982	Thôn Hàng Hải	5		5		
101	LÊ VĂN THIỆN	8/29/1977	Thôn Hàng Hải	4		4		
102	NGUYỄN VĂN MẪN	2/18/1954	Thôn Hàng Hải	2				
103	NGUYỄN VĂN ĐỨC	4/2/1983	Thôn Hàng Hải	4		3		
104	LƯU VĂN CƯỜNG	11/20/1978	Thôn Hàng Hải	5		4		
105	NGUYỄN VĂN QUANG	1/2/1972	Thôn Hàng Hải	6		6		
106	NGUYỄN VĂN SƠN	8/14/1960	Thôn Hàng Hải	2				
107	NGUYỄN XUÂN TRỮ	2/18/1972	Thôn Hàng Hải	5		4		
108	NGUYỄN VĂN VĨNH	7/10/1979	Thôn Hàng Hải	5		2		
109	LẠI VĂN QUYỀN	4/20/1979	Thôn Hàng Hải	4		3		
110	TRẦN THỊ THUÝ	8/2/1973	Thôn Hàng Hải	5		3		
111	NGUYỄN VĂN PHÚ	7/28/1986	Thôn Hàng Hải	4		2		
112	NGUYỄN VĂN PHỤNG	4/10/1992	Thôn Hàng Hải	3		1		
113	ĐÀO KHẮC THÊM	11/16/1965	Thôn Hàng Hải	4		4		
114	LÊ VĂN LỢI	10/4/1985	Thôn Hàng Hải	5		2		
115	BÙI THỊ NHÀI	1/1/1955	Thôn Hàng Hải	4		2		
116	NGÔ BÁ BẰNG	7/10/1971	Thôn Hàng Hải	6		4		
117	VŨ THỊ THOA	1/1/1967	Thôn Hàng Hải	5		3		
118	NGUYỄN THANH SƠN	7/20/1985	Thôn Hàng Hải	4		2		

119	BÙI VĂN KIỆN	9/10/1967	Thôn Hàng Hải	3		3		
120	NGUYỄN THANH HẢI	7/3/1980	Thôn Hàng Hải	4		2		
121	TRẦN QUANG TUYÊN	2/25/1976	Thôn Hàng Hải	5		4		
122	NGUYỄN VĂN HẠNH	1/4/1984	Thôn Hàng Hải	4		3		
123	CHU VĂN THỀ	1/1/1971	Thôn Hàng Hải	3		3		
124	TRẦN VĂN CHÍN	11/20/1979	Thôn Hàng Hải	5		4		
125	NGUYỄN MINH HOÀNG	1/5/1997	Thôn Hàng Hải	4		3		
126	NGUYỄN VĂN THÀNH	4/8/1975	Thôn Hàng Hải	4		4		
127	NGUYỄN NHẬT TÂN	9/28/1981	Thôn Hàng Hải	4		3		
128	NGUYỄN VĂN HIỆP	11/13/1964	Thôn Hàng Hải	3		1		
129	TRƯƠNG HUY HƯNG	7/15/1982	Thôn Hàng Hải	3		2		
130	TRẦN VĂN THỊNH	1/1/1970	Thôn Hàng Hải	3		3		
131	ĐẶNG VĂN THANH	7/8/1980	Thôn Hàng Hải	4		3		
132	DƯƠNG VĂN ĐẠT	4/8/1976	Thôn Hàng Hải	4		3		
133	NGUYỄN THỊ HOA	1/1/1972	Thôn Hàng Hải	5		5		
134	PHẠM VĂN CÁT	1/4/1976	Thôn Hàng Hải	5		4		
135	NINH VĂN CHUYÊN	8/15/1984	Thôn Hàng Hải	4		3		
136	NGUYỄN THỊ ĐẬU	1/1/1963	Thôn Hàng Hải	2				
137	TRẦN THỊ LIÊN	1/1/1942	Thôn Hàng Hải	3		1		
138	PHẠM THỊ HOA	1/1/1965	Thôn Hàng Hải	1				
139	PHAN THỊ ĐIỆP	12/8/1968	Thôn Hàng Hải	2		2		
140	PHẠM THỊ QUÝT	11/20/1970	Thôn Hàng Hải	3		2		
141	NGUYỄN XUÂN DỆT	8/12/1959	Thôn Hàng Hải	8		4		
142	NGUYỄN THỊ LAN ANH	1/1/1974	Thôn Hàng Hải	3		3		
143	TRỊNH THỊ NHUẬN	3/2/1952	Thôn Hàng Hải	8		4		
144	NGUYỄN VĂN LỆNH	4/1/1949	Thôn Hàng Hải	6		2		
145	NGUYỄN THỊ VÓC	10/6/1989	Thôn Hàng Hải	3		3		
146	NGUYỄN VĂN HOÀN	2/27/1965	Thôn Hàng Hải	3		3		
147	PHẠM VĂN SƠN	6/5/1964	Thôn Hàng Hải	2		1		
148	ĐẶNG VĂN NAM	1/1/1932	Thôn Hàng Hải	7		4		
149	NGUYỄN VĂN HOÁN	1/1/1966	Thôn Hàng Hải	2		2		
150	TRẦN THỊ BÉ	1/1/1966	Thôn Hàng Hải	4		4		
151	NGUYỄN VĂN MIÊN	11/12/1961	Thôn Hàng Hải	5		5		
152	ĐẶNG VĂN HÙNG	10/15/1972	Thôn Hàng Hải	2		2		
153	ĐẶNG HIẾU NAM	8/10/1980	Thôn Lăng Kú	4		4		
154	NGUYỄN THỊ TÝ LAN	1/1/1974	Thôn Lăng Kú	4		3		
155	NGUYỄN VĂN KỲ	12/25/1972	Thôn Lăng Kú	3		3		
156	NGUYỄN THỊ THANH NGA	11/8/1989	Thôn Lăng Kú	4		2		
157	K' ĐA	4/30/1975	Thôn Lăng Kú		5		4	
158	KA HIẾU	4/15/1984	Thôn Lăng Kú		4		2	
159	KA NHÃNH	1/20/1970	Thôn Lăng Kú		4		3	
160	K' TIM	10/6/1986	Thôn Lăng Kú		5		3	
161	KA NGỌC	11/5/1992	Thôn Lăng Kú		4		2	
162	KA ĐÍP (LÃM)	5/12/1971	Thôn Lăng Kú		3		3	
163	K' MỸ	2/3/1960	Thôn Lăng Kú		5		4	
164	K' BRÍP	2/13/1990	Thôn Lăng Kú		4		2	
165	K' LÊU	1/1/1961	Thôn Lăng Kú		8		4	
166	PHẠM NGỌC NGUYÊN	6/29/1978	Thôn Lăng Kú	5		4		
167	K' ĐIS	1/1/1980	Thôn Lăng Kú		4		3	
168	K' NGÔ	10/3/1956	Thôn Lăng Kú		6		2	
169	K' BẾU	1/1/1956	Thôn Lăng Kú		1			
170	KA ỈU	1/1/1969	Thôn Lăng Kú		5		3	
171	K' BVIÊU	11/15/1977	Thôn Lăng Kú		6		4	
172	K' NẸP	1/1/1976	Thôn Lăng Kú		6		6	
173	KA BÔNG	6/17/1970	Thôn Lăng Kú		9		6	
174	K' TỈN	5/13/1977	Thôn Lăng Kú		4		2	
175	LÝ VĂN TEM	1/1/1985	Thôn Lăng Kú		5		3	
176	K' ĐỊP	6/24/1972	Thôn Lăng Kú		6		5	
177	K' PÚC	1/1/1974	Thôn Lăng Kú		6		6	
178	KA LINH	10/22/1994	Thôn Lăng Kú		4		2	

179	K' BRÔI	9/9/1984	Thôn Lăng Kú		4		3	
180	K' BRÊU	1/1/1978	Thôn Lăng Kú		4		3	
181	KA LOAN	5/16/1992	Thôn Lăng Kú		5		3	
182	KA THUỶ	12/25/1983	Thôn Lăng Kú		5		3	
183	K' SƠN	4/24/1984	Thôn Lăng Kú		4		4	
184	Y MEL ARĂN	9/16/1975	Thôn Lăng Kú		4		4	
185	K' BRỪS	7/10/1982	Thôn Lăng Kú		5		3	
186	K' NGỌC ĐỨC	9/10/1986	Thôn Lăng Kú		3		2	
187	K' LÊM	5/6/1975	Thôn Lăng Kú		4		4	
188	YANG K' ĐÌNH	1/24/1988	Thôn Lăng Kú		4		2	
189	K' NHIM	1/1/1980	Thôn Lăng Kú		5		3	
190	KA NHÃ	1/1/1962	Thôn Lăng Kú		6		3	
191	BÙI THỊ THƯƠNG	4/15/1989	Thôn Lăng Kú	5		3		
192	NGUYỄN THỊ YẾN	11/10/1970	Thôn Lăng Kú	4		4		
193	LÝ TRƯỜNG SƠN	12/30/1969	Thôn Lăng Kú	5		5		
194	ĐẶNG THANH HẢI	1/1/1969	Thôn Lăng Kú	4		4		
195	YAN KAR ĐỒM	8/27/1983	Thôn Lăng Kú		4		3	
196	TOUNEH LIN ĐA	1/25/1974	Thôn Lăng Kú		3		3	
197	KA THỊ PHIẾU	1/1/1945	Thôn Lăng Kú		5		3	
198	K' NHÁP	1/1/1962	Thôn Lăng Kú		6		3	
199	KA BRỊT	12/11/1958	Thôn Lăng Kú		6		2	
200	KA HÀNH	9/3/1988	Thôn Lăng Kú		2		1	
201	BÙI VĂN BẢY	3/6/1976	Thôn Lăng Kú	5		5		
202	TRẦN ĐỨC MẠNH	8/21/1972	Thôn Lăng Kú	1		1		
203	TRẦN VĂN BÌNH	5/26/1974	Thôn Lăng Kú	4		4		
204	LÊ MẠNH TUẤN	9/4/1979	Thôn Lăng Kú	1		1		
205	ĐẶNG VĂN LƯƠNG	7/4/1988	Thôn Lăng Kú	5		2		
206	KA HẾC	1/1/1958	Thôn Lăng Kú		7		3	
207	K' MỜI	9/18/1995	Thôn Lăng Kú		4		2	
208	ĐẮC KRONG TU NIM	5/1/1989	Thôn Lăng Kú		5		2	
209	KA THỊ PHIẾU	3/11/1968	Thôn Lăng Kú		2		1	
210	K' DÔI	3/20/1966	Thôn Lăng Kú		4		4	
211	LÝ VĂN TÁM	7/23/1990	Thôn Lăng Kú		4		3	
212	BƠ SU HOE	4/15/1987	Thôn Lăng Kú		4		2	
213	KA HỐK	1/1/1935	Thôn Lăng Kú		2		1	
214	KA NGA	1/1/1964	Thôn Lăng Kú		1			
215	K' RÒNG	4/7/1977	Thôn Lăng Kú		8		4	
216	K' MÃO	8/1/1988	Thôn Lăng Kú		4		3	
217	KA THỊ NHIM	2/1/1990	Thôn Lăng Kú		3		2	
218	K' ĐƠN	12/30/1973	Thôn Lăng Kú		3		3	
219	KA THỊ BRIM	10/7/1973	Thôn Lăng Kú		1		1	
220	K' ĐÈO	12/31/1974	Thôn Lăng Kú		6		4	
221	KA BIU	1/1/1970	Thôn Lăng Kú		6		4	
222	KA HENG	1/1/1959	Thôn Lăng Kú		6		3	
223	TẠ VĂN THIẾP	5/13/1971	Thôn Lăng Kú	7		5		
224	TRẦN THỊ MỀN	1/1/1955	Thôn Lăng Kú	2				
225	LÊ THỊ YẾN	8/8/1956	Thôn Lăng Kú	2		1		
226	BÙI VĂN THANH	1/1/1959	Thôn Lăng Kú	7		3		
227	ĐẶNG NGỌC LẠCH	1/1/1956	Thôn Lăng Kú	2				
228	SÚ CÔNG SÁNG	6/27/1989	Thôn Lăng Kú		4		2	
229	NGUYỄN VĂN HẠNH	8/10/1982	Thôn Lăng Kú		4		3	
230	TRỊNH VIẾT SỸ	12/6/1965	Thôn Lăng Kú	3		2		
231	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	1/14/1996	Thôn Lăng Kú	3		1		
232	BÙI VĂN TRẦN	6/26/1969	Thôn Lăng Kú	4		4		
233	NGUYỄN NGỌC HUY	8/22/1981	Thôn Lăng Kú	4		3		
234	ĐINH THỊ QUYÊN	2/9/1980	Thôn Lăng Kú		3		2	
235	KA BRÌM	6/30/1980	Thôn Lăng Kú		3		2	
236	K' BỚST	1/1/1969	Thôn Lăng Kú		7		5	
237	KA THUẬN	9/1/1992	Thôn Lăng Kú		3		1	
238	K' BRẾ	1/1/1959	Thôn Lăng Kú		1			
239	KA NHỘI	1/1/1981	Thôn Lăng Kú		2		2	
240	KA HIỆP	8/22/1985	Thôn Lăng Kú		4		4	
241	VI VĂN LƯU	10/20/1981	Thôn Lăng Kú		4		3	
242	BÙI VĂN HUYNH	8/6/1985	Thôn Lăng Kú		4		3	
243	NGUYỄN VĂN MẠNH	8/20/1980	Thôn Lăng Kú	4		2		
244	NGUYỄN VĂN SỬ	10/5/1983	Thôn Lăng Kú	4		3		
245	LÊ PHÙNG THỊNH	2/3/1984	Thôn Lăng Kú	4		2		
246	TRẦN XUÂN LÂM	4/20/1957	Thôn Lăng Kú	4		3		
247	PHẠM VĂN HẢI	5/17/1970	Thôn Lăng Kú	5		2		

248	ĐÀO THỊ SÒN	6/11/1984	Thôn Lăng Kú	4		3		
249	PHẠM THỊ HỒNG THUỶ	11/17/1990	Thôn Lăng Kú	3		2		
250	VŨ HỮU QUÂN	10/7/1996	Thôn Lăng Kú	4		2		
251	NGUYỄN THỊ HUỆ	6/30/1982	Thôn Lăng Kú	3		2		
252	ĐẶNG VĂN TRÂN	2/2/1967	Thôn Lăng Kú	4		4		
253	NGUYỄN VĂN TUẤN	1/1/1949	Thôn Lăng Kú	3		1		
254	LÝ THỊ THUỲ TRANG	9/3/1972	Thôn Lăng Kú	5		3		
255	LÊ PHƯỚC TÂM	6/2/1947	Thôn Lăng Kú	6		2		
256	CAO VĂN NGỌC	4/15/1967	Thôn Lăng Kú	4		3		
257	THẠCH VĂN THẠCH	6/12/1972	Thôn Lăng Kú	8		4		
258	NGUYỄN THỊ THÀNH	1/1/1963	Thôn Lăng Kú	6		2		
259	NGUYỄN THỊ THẮM	10/21/1982	Thôn Lăng Kú	4		4		
260	LÊ VĂN BẮC	12/22/1968	Thôn Lăng Kú	2		1		
261	TRỊNH VĂN NGUYÊN	12/17/1990	Thôn Lăng Kú	4		2		
262	TRỊNH VĂN NÚI	10/5/1982	Thôn Lăng Kú	4		4		
263	TỐNG CA	6/10/1973	Thôn Lăng Kú	4		4		
264	HOÀNG DUY VĂN	8/10/1982	Thôn Lăng Kú	5		3		
265	BÙI VĂN QUẢNG	9/24/1974	Thôn Lăng Kú	4		4		
266	VÒNG XÌ KHƯƠNG	2/4/1970	Thôn Lăng Kú		4		4	
267	TRẦN VĂN HÙNG	4/27/1979	Thôn Lăng Kú	5		4		
268	NGUYỄN VĂN TÂN	8/10/1975	Thôn Lăng Kú	5		3		
269	TRẦN VĂN HOÀNG	10/5/1986	Thôn Lăng Kú	4		2		
270	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM	6/13/1985	Thôn Lăng Kú	3		1		
271	NGUYỄN XUÂN TRUYỆN	1963	Thôn Lăng Kú	2		2		
272	LÊ PHƯỚC THẮNG	3/20/1990	Thôn Lăng Kú	1		1		
273	BÙI ANH DŨNG	2/20/1959	Thôn Lăng Kú	2		1		
274	NGUYỄN VĂN NGHỊ	10/2/1955	Thôn Lăng Kú	3		2		
275	TRỊNH VĂN QUYỀN	9/13/1982	Thôn Lăng Kú	8		6		
276	LÊ ANH TÚ	12/31/1981	Thôn Lăng Kú	4		3		
277	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	4/28/1977	Thôn Lăng Kú	4		3		
278	LÊ THỊ TUYẾT	7/15/1975	Thôn Lăng Kú	2		2		
279	LÊ ĐỨC ANH	1/30/1987	Thôn Lăng Kú	4		2		
280	K' BÊM	9/12/1974	Thôn Lăng Kú		4		4	
281	NGUYỄN VĂN TÂN	7/20/1968	Thôn Lăng Kú	7		4		
282	NGUYỄN CHÍ SƠN	1/5/1972	Thôn Lăng Kú	3		3		
283	LÊ MẠNH HÙNG	10/10/1976	Thôn Lăng Kú	5		4		
284	NGUYỄN VĂN TUYẾN	10/21/1987	Thôn Lăng Kú	5		3		
285	PHẠM VĂN TRÌNH	1/1/1969	Thôn Lăng Kú	6		5		
286	KA ỈM	9/15/1986	Thôn Lăng Kú		4		4	
287	LÊ VĂN VỌNG	11/6/1953	Thôn Lăng Kú	7		3		
288	PHẠM NGỌC THUỶ	7/23/1953	Thôn Lăng Kú	2				
289	PHẠM CHÍ CHANH	10/17/1958	Thôn Lăng Kú	2		1		
290	HOÀNG NGỌC TRÌNH	3/25/1957	Thôn Lăng Kú	6		4		
291	PHẠM NGỌC THỤ	11/14/1969	Thôn Lăng Kú	4		4		
292	KA BIN	3/4/1981	Thôn Lăng Kú		4		2	
293	K' ĐÚC	1/1/1978	Thôn Lăng Kú		4		4	
294	LÊ PHƯỚC TUẤN	2/1/1977	Thôn Lăng Kú	4		4		
295	TRƯƠNG THỊ LỤA	5/20/1969	Thôn Lăng Kú	5		4		
296	VŨ XUÂN KIÊN	1/6/1978	Thôn Lăng Kú	5		4		
297	TẠ QUANG KHÔI	5/12/1977	Thôn Lăng Kú	5		4		
298	VŨ THỊ THỊNH	8/16/1963	Thôn Lăng Kú	1				
299	NGÔ VĂN MINH	3/23/1963	Thôn Lăng Kú	3		2		
300	LÝ VĂN ÚC	11/9/1971	Thôn Lăng Kú		3		3	
301	NGUYỄN VĂN VỊ	2/6/1964	Thôn Lăng Kú	5		2		
302	K' BREM	7/6/1994	Thôn Lăng Kú		3		2	
303	K' TÁM	1987	Thôn Lăng Kú		3		2	
304	K' BRẸO	5/4/1961	Thôn Lăng Kú		10		5	
305	KA BRỀU	1/1/1953	Thôn Lăng Kú		2			
306	R' LON BEEL	9/25/1993	Thôn Lăng Kú		4		2	
307	K' BRIM	7/3/1996	Thôn Lăng Kú		4		2	
308	KA THỊ PHÂU	7/3/1967	Thôn Lăng Kú		6		5	
309	K' BRIS	4/26/1993	Thôn Lăng Kú		4		2	
310	K' VỪNG	3/9/1989	Thôn Lăng Kú		4		2	
311	K' ĐIM	2/6/1977	Thôn Lăng Kú		1		1	
312	NGUYỄN BÁ QUÂN	1/1/1984	Thôn Lăng Kú	5		3		
313	K' BEM	1/1/1974	Thôn Lăng Kú		6		5	

314	NGUYỄN THỊ LAN	8/19/1977	Thôn Đăng Rách	1		1		
315	PHAN ĐỨC THUẬN	8/6/1975	Thôn Đăng Rách	4		4		
316	HOÀNG MINH LƯU	12/27/1981	Thôn Đăng Rách	2		2		
317	LÝ HÀNH TRANG	1/1/1970	Thôn Đăng Rách	2		2		
318	PHẠM THỊ THU XUÂN	10/18/1985	Thôn Đăng Rách	4		4		
319	LÊ THỊ HUYỀN	10/20/1975	Thôn Đăng Rách	3		3		
320	ĐOÀN THỊ HẢI HÀ	7/7/1976	Thôn Đăng Rách	3				
321	TRẦN THỊ LỢI	4/16/1974	Thôn Đăng Rách	7				
322	ĐỖ VIỆT HÙNG	12/15/1963	Thôn Đăng Rách	7				
323	NGUYỄN TIẾN LỪNG	1/1/1961	Thôn Đăng Rách	4		1		
324	TRẦN TRUNG KIÊN	7/30/1989	Thôn Đăng Rách	4				
325	HOÀNG VĂN PHAN	1/25/1975	Thôn Đăng Rách	7				
326	TRƯƠNG VĂN NAM	6/4/1968	Thôn Đăng Rách	4				
327	HOÀNG TUẤN TÌNH	7/30/1983	Thôn Đăng Rách	4				
328	NGUYỄN VĂN TUẤT	1/27/1952	Thôn Đăng Rách	2				
329	TRỊNH THỊ NGOÃN	10/25/1971	Thôn Đăng Rách	5				
330	TRẦN THỊ NGỌC DIỆU	9/22/1993	Thôn Đăng Rách	4				
331	HOÀNG THỊ NỀN	1/25/1972	Thôn Đăng Rách	3				
332	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGA	9/25/1969	Thôn Đăng Rách	3				
333	ĐINH THỊ DUNG	9/2/1959	Thôn Đăng Rách	5				
334	VŨ THỊ BÍCH HOÀ	7/30/1957	Thôn Đăng Rách	2				
335	NGUYỄN HỮU TÂM	10/12/1975	Thôn Đăng Rách	4				
336	TRƯƠNG THỊ TẬP	2/2/1967	Thôn Đăng Rách	2				
337	TRẦN THỊ KIM LOAN	2/17/1959	Thôn Đăng Rách	3				
338	LÊ DUÂN	10/15/1950	Thôn Đăng Rách	4				
339	ĐOÀN THỊ NGÁT	3/10/1971	Thôn Đăng Rách	4				
340	ĐOÀN THỊ LAN ANH	11/7/1980	Thôn Đăng Rách	5		2		
341	NGUYỄN HẢI LÝ	10/10/1972	Thôn Đăng Rách	5		3		
342	MAI KHẢ CÂY	12/8/1958	Thôn Đăng Rách	3		1		
343	PHẠM VĂN TOÀN	8/8/1972	Thôn Đăng Rách	4		3		
344	MAI THỊ TUẤT	12/12/1958	Thôn Đăng Rách	4		2		
345	LÊ NGỌC HOAN	3/24/1970	Thôn Đăng Rách	4		2		
346	TRẦN NGỌC ANH	11/16/1982	Thôn Đăng Rách	4		3		
347	ĐỖ CHÍ TƯ	12/26/1972	Thôn Đăng Rách	5				
348	ĐOÀN DUY TUẤN	8/1/1983	Thôn Đăng Rách	5		3		
349	LÊ ĐÌNH ÂN	6/10/1967	Thôn Đăng Rách	3		3		
350	NGUYỄN THỊ LỆ	2/2/1989	Thôn Đăng Rách	6		2		
351	NGUYỄN CÔNG TRẦN	4/22/1990	Thôn Đăng Rách	2		1		
352	PHẠM THỊ NGỌC TUYẾT	10/4/1946	Thôn Đăng Rách	6		3		
353	NGUYỄN HỮU VIÊN	4/19/1966	Thôn Đăng Rách	6		4		
354	NGUYỄN NGỌC HUY	8/1/1970	Thôn Đăng Rách	8		5		
355	NGUYỄN VĂN HÙNG	7/14/1984	Thôn Đăng Rách	5		2		
356	PHẠM THỊ THU HÀ	3/10/1956	Thôn Đăng Rách	3		1		
357	LÊ HỒNG SƠN	5/25/1978	Thôn Đăng Rách	2		2		
358	PHẠM ĐÌNH PHÚC	2/17/1973	Thôn Đăng Rách	2				
359	HỒ QUANG THÀNH	5/10/1964	Thôn Đăng Rách	3				
360	VĂN KHOA	5/7/1966	Thôn Đăng Rách	2				
361	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	11/23/1961	Thôn Đăng Rách	2				
362	ĐẶNG VĂN TỈNH	12/1/1969	Thôn Đăng Rách	3				
363	HUỲNH VĂN TƯ	10/16/1966	Thôn Đăng Rách	4				
364	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	4/15/1968	Thôn Đăng Rách	4				
365	LÊ DUẨN	11/25/1981	Thôn Đăng Rách	1				
366	NGUYỄN THỊ MAI BẮC	7/27/1955	Thôn Đăng Rách		5		2	
367	NGUYỄN TÀI THU	11/10/1959	Thôn Đăng Rách	6		4		
368	NGUYỄN VĂN THẠCH	11/22/1990	Thôn Đăng Rách	2		2		
369	NGUYỄN VĂN LIÊM	3/19/1983	Thôn Đăng Rách	2				
370	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	4/8/1984	Thôn Đăng Rách	3		3		
371	NGUYỄN QUANG VINH	3/10/1961	Thôn Đăng Rách	3		3		
372	NGUYỄN CHÍ THANH	11/22/1954	Thôn Đăng Rách	4		2		
373	LÊ THỊ QUYÊN	12/8/1968	Thôn Đăng Rách	2		2		
374	TRẦN VĂN HOAN	9/19/1967	Thôn Đăng Rách	2		2		
375	TRỊNH ĐÌNH THỨC	1/1/1976	Thôn Đăng Rách	4		4		
376	TRƯƠNG QUANG LỤC	4/7/1964	Thôn Đăng Rách	4		4		
377	TRƯƠNG XUÂN THIỆN	8/10/1956	Thôn Đăng Rách	2				
378	PHAN THANH HÃN	8/21/1964	Thôn Đăng Rách	5				
379	LÊ THỊ HIỀN	10/8/1965	Thôn Đăng Rách	1				
380	TẠ VĂN LỮ	10/15/1964	Thôn Đăng Rách	3				
381	ĐỖ VĂN TÍN	3/25/1967	Thôn Đăng Rách	2		2		
382	NGUYỄN THỊ HOA	10/21/1964	Thôn Đăng Rách	2				

383	NGUYỄN THỊ NGỌT	1/1/1968	Thôn Đăng Rách	1				
384	TRẦN VĂN THÁI	8/12/1964	Thôn Đăng Rách	2				
385	TRẦN ĐỨC HẠNH	10/19/1971	Thôn Đăng Rách	4		2		
386	ĐẶNG THỊ TRANG	1/1/1966	Thôn Đăng Rách	5		3		
387	PHAN THỊ LÀ	12/15/1958	Thôn Đăng Rách	2				
388	TRẦN MINH CẢNH	11/12/1971	Thôn Đăng Rách	3				
389	NGUYỄN HỮU HUẤN	11/16/1964	Thôn Đăng Rách	7		2		
390	MAI ĐỨC XÔ	1/23/1961	Thôn Đăng Rách	3				
391	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	5/25/1965	Thôn Đăng Rách	2				
392	QUÁCH THỊ MẬT	9/11/1949	Thôn Đăng Rách		8		5	
393	LÊ BÁ ANH	2/16/1971	Thôn Đăng Rách	2		2		
394	HOÀNG VĂN ĐẠT	9/15/1960	Thôn Đăng Rách	2				
395	VŨ VĂN ĐỊNH	9/1/1972	Thôn Đăng Rách	4		2		
396	ĐỖ VĂN VIÊN	1/22/1978	Thôn Đăng Rách	5		3		
397	NGUYỄN THỊ HIẾU GIANG	2/1/1985	Thôn Đăng Rách	2		1		
398	NGUYỄN CHÍ CÔNG	6/22/1983	Thôn Đăng Rách	1		1		
399	TỪ TÚ MINH	6/22/1975	Thôn Đăng Rách	3		2		
400	BÙI THỊ TÝ	1/1/1938	Thôn Đăng Rách	1				
401	NGUYỄN VĂN NGÁT	12/30/1957	Thôn Đăng Rách	8		3		
402	NGUYỄN THỊ HẠNH	10/10/1947	Thôn Đăng Rách	1				
403	PHẠM THUỶ NGUYỆT TÂM	8/22/1981	Thôn Đăng Rách	2				
404	TRẦN VĂN CƯƠNG	1/3/1983	Thôn Đăng Rách	6				
405	NGUYỄN HỮU BIÊN	6/26/1975	Thôn Đăng Rách	5		3		
406	DƯƠNG HƯƠNG	3/23/1960	Thôn Đăng Rách	2				
407	NGUYỄN THỊ THU SANG	3/20/1987	Thôn Đăng Rách	4		2		
408	HOÀNG TUẤN NGHĨA	6/12/1985	Thôn Đăng Rách	4		2		
409	NHỮ THỊ SÁNG	7/3/1965	Thôn Đăng Rách	2				
410	PHẠM VĂN VỊNH	1/1/1968	Thôn Đăng Rách	2				
411	LÊ VĂN HIẾU	31/11/1975	Thôn Đăng Rách	6				
412	MAI XUÂN THUỶ	4/11/1966	Thôn Đăng Rách	4		2		
413	ĐÀO VĂN ĐẠT	2/10/1972	Thôn Đăng Rách	5		2		
414	NGUYỄN VĂN THÀNH	1/1/1970	Thôn Đăng Rách	4		2		
415	TRIỆU THỊ QUYÊN	8/25/1969	Thôn Đăng Rách	2		2		
416	PHẠM THỊ HƯỜNG	8/10/1963	Thôn Đăng Rách	3		1		
417	ĐINH ĐỨC LINH	4/2/1962	Thôn Đăng Rách	3		1		
418	PHAN THỊ NHUẤN	6/12/1950	Thôn Đăng Rách	2		1		
419	NGUYỄN XUÂN KHÁNH	11/18/1967	Thôn Đăng Rách	4		4		
420	ĐOÀN THỊ KIM HỒNG	10/5/1963	Thôn Đăng Rách	4		1		
421	NGUYỄN THANH BÍNH	8/12/1967	Thôn Đăng Rách	5		5		
422	NGUYỄN TIẾN DŨNG	1/1/1965	Thôn Đăng Rách	4		4		
423	TRƯƠNG VĂN THỌ	1/1/1970	Thôn Đăng Rách	2		2		
424	PHẠM HỒNG VĂN	10/22/1984	Thôn Đăng Rách	1		1		
425	VŨ VĂN NĂM	5/28/1988	Thôn Đăng Rách	2		2		
426	PHAN THỊ TƯ	9/20/1969	Thôn Đăng Rách	3		3		
427	CHU THỊ XIÊM	9/24/1962	Thôn Đăng Rách	2				
428	TRẦN VĂN LỢI	7/14/1971	Thôn Đăng Rách	7		4		
429	PHẠM VĂN SON	10/10/1948	Thôn Đăng Rách	5		2		
430	PHẠM VĂN GIÁP	3/25/1984	Thôn Đăng Rách	3		2		
431	PHẠM THỊ GẤM	12/4/1986	Thôn Đăng Rách	3		1		
432	NGUYỄN THỊ RIÊU	8/2/1948	Thôn K'Long Trao 2	2		1		
433	HÀ XUÂN THÁI	8/19/1961	Thôn K'Long Trao 2	3		1		
434	KA NỞ	6/28/1961	Thôn K'Long Trao 2		6		2	
435	HỒ THỊ HUY	11/14/1987	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
436	PHẠM NGỌC LIÊN	11/10/1966	Thôn K'Long Trao 2	3		1		
437	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	5/19/1984	Thôn K'Long Trao 2	2		1		
438	NGUYỄN VĂN DIỄN	5/26/1905	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
439	PHẠM THỊ DẬM	1/11/1958	Thôn K'Long Trao 2	4		1		
440	CAO THỊ HOÀ	9/22/1954	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
441	TRẦN THÀNH	12/25/1977	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
442	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	9/26/1981	Thôn K'Long Trao 2	2		1		
443	PHẠM XUÂN PHÚC	2/3/1956	Thôn K'Long Trao 2	4		1		
444	ĐÀO THỊ DUYÊN	1/1/1971	Thôn K'Long Trao 2	3		2		
445	TẠ MINH TRỌNG	1/9/1990	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
446	MẢN NIỆP DŨNG	1978	Thôn K'Long Trao 2		4		4	
447	NGUYỄN VĂN CHÍN	12/10/1971	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
448	TRẦN THỊ KIM ANH	2/7/1959	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
449	ĐÀO TIẾN VẬN	3/13/1984	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
450	HUỲNH QUỐC TUẤN	7/15/1970	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
451	HUỲNH THANH HẢI	12/31/1976	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
452	DƯƠNG VIẾT CHÚT	3/15/1961	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
453	LÊ THỊ NHÀN	1/23/1956	Thôn K'Long Trao 2	2				
454	HỒ VĂN LỢI	2/1/1968	Thôn K'Long Trao 2	6		4		
455	NGUYỄN THANH VŨ	8/6/1983	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
456	ĐỖ THỊ CHIÊN	5/29/1966	Thôn K'Long Trao 2	2		2		
457	NGUYỄN VĂN TUẤN	9/19/1975	Thôn K'Long Trao 2	6		3		
458	HÀ THỊ NA	8/10/1972	Thôn K'Long Trao 2	2		2		
459	TRẦN THỊ THANH LOAN	4/6/1982	Thôn K'Long Trao 2	3		3		
460	PHẠM HỮU TRÍ	11/18/1982	Thôn K'Long Trao 2	3		2		
461	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	1/18/1983	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
462	HỒ THỊ HỒNG	9/14/1986	Thôn K'Long Trao 2	3		1		
463	THÁI DOÃN HẢI	9/2/1978	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
464	MỘC PHỐ SÁNG	2/20/1959	Thôn K'Long Trao 2		4		2	
465	NGUYỄN THỊ THUỶ	8/16/1977	Thôn K'Long Trao 2	4		4		
466	PHAN THỊ CÚC	1/1/1958	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
467	PHẠM VĂN DẸP	10/17/1956	Thôn K'Long Trao 2	4		2		
468	HỒ VĂN HOÀNG	2/15/1990	Thôn K'Long Trao 2	3		2		
Tổng cộng: 468 hộ				**1,488**	**393**	**871**	**257**	**0**

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ DI LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Di Linh, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH HỘ LÀM NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2026

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi ở hiện nay	Số khẩu		SỐ NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG		Ghi chú
				Kinh	DTTS	Kinh	DTTS	
1	K' BEL	10/15/1959	Thôn Tân Châu 3		7		3	
2	K' KỌP	3/2/1955	Thôn Tân Châu 3		3		1	
3	K' VĂN DẢNG	1/1/1986	Thôn Tân Châu 3		2		2	
4	K' THẮNG	11/20/1992	Thôn Tân Châu 3		4		2	
5	K' DÀI	1/1/1930	Thôn Tân Châu 3		3		1	
6	K' DÍP	11/21/1972	Thôn Tân Châu 3		4		4	
7	K' TÂM	8/10/1977	Thôn Tân Châu 3		5		4	
8	K' GỞM	5/5/1980	Thôn Tân Châu 3		4		3	
9	K' NGỐC	5/1/1982	Thôn Tân Châu 3		4		4	
10	K' NẾP	4/7/1983	Thôn Tân Châu 3		4		3	
11	K' NỒ	5/10/1963	Thôn Tân Châu 3		6		4	
12	K' DIM	1/1/1975	Thôn Tân Châu 3		5		3	
13	KA BLÀNG	1/1/1953	Thôn Tân Châu 3		5		2	
14	K' LẬP	1/1/1951	Thôn Tân Châu 3		6		2	
15	BÙI VĂN BÁCH	6/6/1991	Thôn Tân Châu 3		4		2	
16	K' GÍP	1/1/1973	Thôn Tân Châu 3		6		4	
17	KA NHU	8/8/1976	Thôn Tân Châu 3		6		3	
18	K' CẢNH	4/26/1978	Thôn Tân Châu 3		4		3	
19	K' NHIỀN	6/12/1978	Thôn Tân Châu 3		5		4	
20	K' GỒN	7/15/1982	Thôn Tân Châu 3		3		2	
21	K' NHẤT	1/2/1986	Thôn Tân Châu 3		4		2	
22	KA THIỀN	1/15/1990	Thôn Tân Châu 3		5		2	
23	K' LÒNG	1/1/1972	Thôn Tân Châu 3		4		4	
24	K' ĐIỆP	4/20/1989	Thôn Tân Châu 3		4		2	
25	TOU PRONG YA NỐS	4/18/1994	Thôn Tân Châu 3		5		2	
26	K' GRÀI	8/20/1981	Thôn Tân Châu 3		7		3	
27	K' ĐÀNG	5/4/1968	Thôn Tân Châu 3		3		3	
28	K' BYÈL	5/29/1977	Thôn Tân Châu 3		5		3	
29	ĐẮC KRONG LAI	1/1/1957	Thôn Tân Châu 3		7		3	
30	K' DỀN	1/11/1960	Thôn Tân Châu 3		2			
31	KA HIỂM	8/6/1966	Thôn Tân Châu 3		3		3	
32	K' RỈNG	1/1/1965	Thôn Tân Châu 3		6		5	
33	K' BING	1/1/1966	Thôn Tân Châu 3		9		7	
34	K' YẠ	1943	Thôn Tân Châu 3		7		5	
35	K' TRIỀU	1/1/1968	Thôn Tân Châu 3		5		5	
36	K' BÍT	1/1/1969	Thôn Tân Châu 3		6		5	
37	ĐAK KRONG ĐỔI	1/1/1963	Thôn Tân Châu 3		10		4	
38	KA THIM	8/5/1973	Thôn Tân Châu 3		4		3	
39	K' NAM	10/6/1994	Thôn Tân Châu 3		4		2	
40	K' VỜNG	10/10/1995	Thôn Tân Châu 3		4		2	
41	K' MIỄN	4/8/1986	Thôn Tân Châu 3		4		2	
42	K' BẦU	8/27/1966	Thôn Tân Châu 3		6		4	
43	ĐẮC KRONG LĨNH	1/20/1983	Thôn Tân Châu 3		4		2	
44	K' MÔI	2/16/1975	Thôn Tân Châu 3		5		4	
45	KA HIỀN	3/11/1984	Thôn Tân Châu 3		5		4	
46	K' NGA	10/1/1973	Thôn Tân Châu 3		5		4	
47	K' TÁM	7/20/1978	Thôn Tân Châu 3		5		3	
48	K' YẢI	1/1/1966	Thôn Tân Châu 3		7		5	
49	K' NẾP	12/30/1972	Thôn Tân Châu 3		6		6	
50	K' LÁT	2/7/1992	Thôn Tân Châu 3		4		1	
51	KA HUM	1/1/1941	Thôn Tân Châu 3		6		2	
52	K' BẢO	7/15/1976	Thôn Tân Châu 3		7		5	
53	K' YÉP	12/15/1977	Thôn Tân Châu 3		4		2	
54	K' MIUIT	4/15/1980	Thôn Tân Châu 3		5		5	
55	KA HIỂNG	1/1/1968	Thôn Tân Châu 3		2		2	
56	KA NGA	1/1/1968	Thôn Tân Châu 3		1		1	
57	K' GÉP	10/14/1975	Thôn Tân Châu 3		5		4	
58	K' TƯỚC	5/19/1991	Thôn Tân Châu 3		5		2	
59	KA HIỆP	11/5/1975	Thôn Tân Châu 3		3		3	
60	K' TIÊM	1/1/1975	Thôn Tân Châu 3		6		4	
61	K' MẪN	1996	Thôn Tân Châu 3		3		2	
62	K' HOÀNG	10/8/1997	Thôn Tân Châu 3		4		2	

63	DOR TUNG MAN	11/14/1991	Thôn Tân Châu 3		4		2	
64	KA HÂM	9/19/1996	Thôn Tân Châu 3		4		2	
65	KA NHỆT	1/1/1952	Thôn Tân Châu 3		7		3	
66	K' NÔ	1/1/1958	Thôn Tân Châu 3		9		6	
67	K' KRỆ	11/11/1969	Thôn Tân Châu 3		3		2	
68	K' BÍT	3/7/1966	Thôn Tân Châu 3		3		3	
69	K' NHUNG	5/3/1982	Thôn Tân Châu 3		4		2	
70	K' TÍN	1/1/1973	Thôn Tân Châu 3		7		5	
71	K' NHIỀUH	1/1/1966	Thôn Tân Châu 3		8		6	
72	MANG DƯƠNG	3/25/1994	Thôn Tân Châu 3		4		2	
73	K' NĂM	2/16/1981	Thôn Tân Châu 3		4		2	
74	K' MLÔNG	1/1/1964	Thôn Tân Châu 3		5		5	
75	K' LUÂN	7/3/1984	Thôn Tân Châu 3		5		3	
76	K' GỐI	9/15/1973	Thôn Tân Châu 3		9		6	
77	K' BỚT	1/1/1958	Thôn Tân Châu 3		5		2	
78	K' NGHÊ	1/1/1956	Thôn Tân Châu 3		6		3	
79	K' LIỀN	7/24/1953	Thôn Tân Châu 3		5		2	
80	BÙI VĂN THUẦN	11/25/1991	Thôn Tân Châu 3		3		2	
81	K' NỈN	10/23/1989	Thôn Tân Châu 3		4		3	
82	KA PHƯỢNG	1/1/1965	Thôn Tân Châu 3		4		3	
83	K' LINH	4/13/1997	Thôn Tân Châu 3		5		2	
84	K' THÁI	1/1/1987	Thôn Tân Châu 3		7		3	
85	KA HÊNG	1/1/1969	Thôn Tân Châu 3		5		3	
86	KA MHÍA	1/1/1971	Thôn Tân Châu 3		9		6	
87	KA THÉP	2/3/1972	Thôn Tân Châu 3		8		5	
88	KA HIẾP	1/2/1978	Thôn Tân Châu 3		6		6	
89	KA MHẾP	1/24/1975	Thôn Tân Châu 3		5		3	
90	K' BỀM	1/1/1966	Thôn Tân Châu 3		5		5	
91	K' HÙNG	4/18/1988	Thôn Tân Châu 3		3		2	
92	K' SAM	3/15/1991	Thôn Tân Châu 3		4		2	
93	K' BRÊU	1/1/1965	Thôn Tân Châu 3		6		4	
94	KA THIỆP	10/10/1996	Thôn Tân Châu 3		6		2	
95	K' LỀR	1/1/1953	Thôn Tân Châu 3		5		3	
96	K' TUẤN	6/25/1990	Thôn Tân Châu 3		3		2	
97	K' DỀU	6/5/1991	Thôn Tân Châu 3		5		3	
98	K' TÁO	8/19/1984	Thôn Tân Châu 3		5		3	
99	KA HIM	1/1/1970	Thôn Tân Châu 3		2		2	
100	K' SÁU	1/1/1960	Thôn Tân Châu 3		8		4	
101	KA' THIÊN	3/23/2001	Thôn Tân Châu 3		2		2	
102	K' TOẢN	10/16/1985	Thôn Tân Châu 3		9		6	
103	K' PHỎNG	29/4/1075	Thôn Tân Châu 3		8		6	
104	MANG ĐANG	4/1/1992	Thôn Tân Châu 3		4		2	
105	K' TEO	1/1/1959	Thôn Tân Châu 3		5		2	
106	K' GỀM	8/28/1979	Thôn Tân Châu 3		6		5	
107	K' BÌNH	12/18/1984	Thôn Tân Châu 3		5		2	
108	K' SIM	12/1/1966	Thôn Tân Châu 3		4		4	
109	MANG TUẤN	1/1/1990	Thôn Tân Châu 3		4		3	
110	K' TIN	1/1/1980	Thôn Tân Châu 3		4		4	
111	KA GIANG	5/16/2003	Thôn Tân Châu 3		3		2	
112	YAR KAR NĨM	3/9/1982	Thôn Tân Châu 3		6		4	
113	KA HỐI	3/24/1975	Thôn Tân Châu 3		6		2	
114	K' DŨNG	3/20/1981	Thôn Tân Châu 3		5		4	
115	PHẠM VĂN PHONG	4/16/1971	Thôn Tân Châu 3	3		2		
116	KA HỒN	1/13/1993	Thôn Tân Châu 3		2		1	
117	KA BÊNG	1/1/1956	Thôn Tân Châu 3		6		2	
118	KA BÊNG	1/1/1959	Thôn Tân Châu 3		4		1	
119	K' NỒN	5/25/1974	Thôn Tân Châu 3		5		4	
120	K'Lim	1/1/1968	Thôn Tân Châu 4		9		5	
121	Ka Thủy	6/21/1976	Thôn Tân Châu 4		5		4	
122	K' Bệu	6/22/1955	Thôn Tân Châu 4		5		2	
123	K' Jải	11/20/1981	Thôn Tân Châu 4		5		4	
124	K' Tường	12/30/1978	Thôn Tân Châu 4		5		4	
125	K' Thu	10/18/1965	Thôn Tân Châu 4		6		3	
126	NRÒNG YIM	9/30/1981	Thôn Tân Châu 4		5		2	
127	K' TÌM	1/1/1980	Thôn Tân Châu 4		4		4	
128	K' LẬP	1/1/1987	Thôn Tân Châu 4		4		2	
129	K' HUYNH	1/3/1989	Thôn Tân Châu 4		4		2	
130	K' VÂN	1/11/1977	Thôn Tân Châu 4		6		5	
131	K'BỐT	1/1/1963	Thôn Tân Châu 4		5		3	
132	KA SỐI	12/12/1979	Thôn Tân Châu 4		4		3	
133	K' NGUYÊN	12/30/1985	Thôn Tân Châu 4		4		2	

134	KA HUỆ	1984	Thôn Tân Châu 4		4		4	
135	K' NHẾP	1/1/1962	Thôn Tân Châu 4		5		2	
136	K' LỢI	1986	Thôn Tân Châu 4		4		2	
137	K' VEL	1/25/1970	Thôn Tân Châu 4		5		4	
138	KA THUYN	3/4/1996	Thôn Tân Châu 4		4		2	
139	K' BROI	1/1/1989	Thôn Tân Châu 4		4		2	
140	KA HẠNH	3/21/1986	Thôn Tân Châu 4		4		2	
141	K' BỀM	3/11/1963	Thôn Tân Châu 4		5		2	
142	KA LỐP	6/16/1982	Thôn Tân Châu 4		6		5	
143	K' HUYÊN	1975	Thôn Tân Châu 4		4		4	
144	KA NHEM	1/1/1953	Thôn Tân Châu 4		5		2	
145	LÊ XUÂN LINH	1977	Thôn Tân Châu 4	4		3		
146	K' TÂY	6/4/1983	Thôn Tân Châu 4		5		2	
147	K' BƯỞI	1/1/1983	Thôn Tân Châu 4		4		3	
148	LÊ XUÂN DUY	1979	Thôn Tân Châu 4		5		4	
149	K' LIỀM	1975	Thôn Tân Châu 4		4		4	
150	K RƠ DƠNG YÚ	8/31/1984	Thôn Tân Châu 4		4		3	
151	KA DỲIS	1/17/1984	Thôn Tân Châu 4		4		2	
152	K' BÈO	1/1/1943	Thôn Tân Châu 4		5		2	
153	LÊ VĂN QUỐC THÁI	8/9/1981	Thôn Tân Châu 4	5		2		
154	K' BU	11/23/1959	Thôn Tân Châu 4		4		2	
155	K' BÔI	9/23/1978	Thôn Tân Châu 4		4		3	
156	KA NHỒI	1/1/1970	Thôn Tân Châu 4		4		2	
157	K' SÀNG	5/3/1950	Thôn Tân Châu 4		4		2	
158	K' SƠN	3/23/1986	Thôn Tân Châu 4		4		2	
159	K' JIM	1/1/1975	Thôn Tân Châu 4		7		5	
160	K' TOÁN	8/6/1993	Thôn Tân Châu 4		4		2	
161	K' LÝ	9/7/1987	Thôn Tân Châu 4		4		2	
162	K' FA LIN TƠN	4/12/1991	Thôn Tân Châu 4		4		2	
163	KA BRÈNG	2/6/1958	Thôn Tân Châu 4		4		3	
164	K' DUY	5/1/1986	Thôn Tân Châu 4		4		2	
165	K' TƯ	4/1/1970	Thôn Tân Châu 4		5		4	
166	KA SẢO	1/1/1967	Thôn Tân Châu 4		3		3	
167	LÝ NHỘC QUAY	8/7/1986	Thôn Tân Châu 4		5		2	
168	KA LIÊN	1/1/1968	Thôn Tân Châu 4		7		3	
169	K' LÀO	1975	Thôn Tân Châu 4		4		4	
170	K' BRÓP	7/12/1967	Thôn Tân Châu 4		4		3	
171	KA NHỘI	2/1/1967	Thôn Tân Châu 4		2		2	
172	KA NHÀNG	2/5/1985	Thôn Tân Châu 4		4		2	
173	K' VINH	11/21/1976	Thôn Tân Châu 4		4		4	
174	K' BRỘP	11/10/1965	Thôn Tân Châu 4		5		5	
175	LÊ THỊ XUÂN LỆ	8/21/1975	Thôn Tân Châu 4	4		4		
176	K' TẾP	1958	Thôn Tân Châu 4		4		1	
177	K' MÊN	1970	Thôn Tân Châu 4		10		6	
178	K' THÁI	6/7/1905	Thôn Tân Châu 4		4		3	
179	K'BRÔIH	9/10/1983	Thôn Tân Châu 4		4		4	
180	K' NÀM	1/1/1990	Thôn Tân Châu 4		4		2	
181	KA ÉO	8/10/1951	Thôn Tân Châu 4		4		3	
182	K' NGHẸO	8/9/1971	Thôn Tân Châu 4		5		4	
183	K' KẺ	1971	Thôn Tân Châu 4		5		5	
184	K' TIM	2/12/1978	Thôn Tân Châu 4		3		3	
185	TRẦN DUY BẢO	11/10/1980	Thôn Tân Châu 4	6		4		
186	TRỊNH PHƯỚC MINH	11/13/1966	Thôn Tân Châu 4	4		4		
187	KA SÊM	1959	Thôn Tân Châu 4		5		3	
188	Y DJĂM AĐRƠNG	12/2/1975	Thôn Tân Châu 4		5		5	
189	K' GẺOH	6/10/1958	Thôn Tân Châu 4		5		2	
190	K' YỀM	1966	Thôn Tân Châu 4		7		5	
191	K'NHU	4/14/1988	Thôn Tân Châu 4		4		2	
192	LIÊU VĂN KIM	1/21/1968	Thôn Tân Châu 5		3		2	
193	ĐẶNG VĂN PHƯƠNG	4/1/1973	Thôn Tân Châu 5		4		4	
194	TRẦN A CẦU	12/2/1972	Thôn Tân Châu 5		5		5	
195	NGUYỄN THỊ TƯỞNG	11/10/1981	Thôn Tân Châu 5	3		1		
196	LIÊU HOÀNG ANH QUÝ	11/9/1979	Thôn Tân Châu 5		4		3	
197	ĐẶNG VĂN SÁNG	6/1/1965	Thôn Tân Châu 5		3		3	
198	HOÀNG NGỌC TUẤN	8/24/1987	Thôn Tân Châu 5		4		2	
199	NGUYỄN VĂN PHÒNG	9/9/1970	Thôn Tân Châu 5	5		4		
200	TẠ THỊ HỒNG	11/29/1966	Thôn Tân Châu 5		3		3	
201	NGUYỄN VĂN QUẢNG	12/11/1965	Thôn Tân Châu 5	2		2		
202	TRƯƠNG MẪN PHÁT	3/24/1982	Thôn Tân Châu 5		6		4	
203	TÔ VĂN SINH	1/23/1979	Thôn Tân Châu 5		5		4	

204	SÚ SOI SÁNG	7/20/1982	Thôn Tân Châu 5		4		2	
205	SÚ CÚN BẢU	6/12/1975	Thôn Tân Châu 5		4		3	
206	LIÊU THỊ ANH	3/27/1963	Thôn Tân Châu 5		5		4	
207	SÚ CÚN SÁNG	1/12/1974	Thôn Tân Châu 5		6		4	
208	LÝ VĂN ĐƯỢC	3/18/1974	Thôn Tân Châu 5		5		5	
209	VÒNG VĂN SINH	9/30/1961	Thôn Tân Châu 5		5		3	
210	HỒNG DUY PHỐC	10/26/1980	Thôn Tân Châu 5		5		5	
211	NÌM LỶ SẦU	1/1/1973	Thôn Tân Châu 5		4		4	
212	HOÀNG NGỌC MINH	12/5/1979	Thôn Tân Châu 5		4		4	
213	CHÍ LỶ KÍU	2/9/1955	Thôn Tân Châu 5		5		3	
214	PHỒNG VÀ KÍU	8/21/1963	Thôn Tân Châu 5		5		3	
215	VÒNG A NÀM	10/9/1974	Thôn Tân Châu 5		5		5	
216	LÝ THÀNH LONG	6/11/1983	Thôn Tân Châu 5		3		2	
217	VÒNG CHẾCH VĨNH	11/15/1964	Thôn Tân Châu 5		5		2	
218	LÊ THỊ VANG	7/13/1947	Thôn Tân Châu 5	2		1		
219	ĐÀO MINH XUYÊN	9/2/1977	Thôn Tân Châu 5	2		2		
220	NGUYỄN VĂN SÍNH	9/1/1976	Thôn Tân Châu 5	4		2		
221	NGUYỄN THỊ TRẬN	2/26/1962	Thôn Tân Châu 5	1				
222	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	4/16/1971	Thôn Tân Châu 5	5		4		
223	BẰNG XUÂN HƯƠNG	1/16/1986	Thôn Tân Châu 5		4		2	
224	HOÀNG TÚ ĐẠT	11/1/1982	Thôn Tân Châu 5		5		2	
225	VY NGUYÊN HIẾU	9/1/1960	Thôn Tân Châu 5		4		2	
226	VŨ THỊ TÝ	31/11/1953	Thôn Tân Châu 5	6		2		
227	TÔ ÍCH LỤC	3/17/1988	Thôn Tân Châu 5		5		2	
228	NÌM PHON KHÌN	6/6/1976	Thôn Tân Châu 5		4		2	
229	PHÚN A BẢU	12/9/1967	Thôn Tân Châu 5		8		7	
230	BẰNG THỊ MÙI	11/15/1956	Thôn Tân Châu 5		3		2	
231	NÌM NHẬT SÁNG	1/1/1970	Thôn Tân Châu 5		4		4	
232	LỤC A SÁNG	6/6/1970	Thôn Tân Châu 5		7		6	
233	LIÊU THẾ NGỌC	8/8/1978	Thôn Tân Châu 5		3		2	
234	TÔ ÍCH HOÀNG	2/27/1981	Thôn Tân Châu 5		4		4	
235	SÚ A XANH	5/20/1970	Thôn Tân Châu 5		4		3	
236	LẦY THỊ LIÊN	11/2/1971	Thôn Tân Châu 5		4		4	
237	ĐẶNG VĂN COÓNG	9/1/1990	Thôn Tân Châu 5		4		2	
238	VOÒNG LỎI SÁNG	5/20/1968	Thôn Tân Châu 5		6		5	
239	LÊ HOÀNG TRUNG	5/20/1968	Thôn Tân Châu 5	4		4		
240	ĐẶNG NGUYÊN BÌNH	4/21/1977	Thôn Tân Châu 5		5		4	
241	VÒNG CHÁNH SÁNG	11/5/1969	Thôn Tân Châu 5		6		6	
242	BẰNG SƠN VIỄN	7/4/1977	Thôn Tân Châu 5		4		3	
243	LIÊU HÙNG TÀI	6/7/1973	Thôn Tân Châu 5		5		5	
244	LÝ THỊ MÙI	2/21/1962	Thôn Tân Châu 5		3		1	
245	LÊ THỊ QUYÊN	4/20/1975	Thôn Tân Châu 5	6		4	4	
246	TRẦN XUÂN NGỌC	8/12/1987	Thôn Tân Châu 5	4		2		
247	LINH A SÁNG	1/1/1962	Thôn Tân Châu 5		3		1	
248	TẢY THỊ LAN	5/25/1972	Thôn Tân Châu 5		6		6	
249	LIÊU MINH NAM	7/25/1968	Thôn Tân Châu 5		3		3	
250	LIÊU THỊ NĂM	2/28/1962	Thôn Tân Châu 5		6		5	
251	TẠ THỊ SINH	4/20/1951	Thôn Tân Châu 5		5		2	
252	PHÚN CÚN DƯỠNG	1980	Thôn Tân Châu 5		5		3	
253	TÔ VĂN LỘC	12/20/1982	Thôn Tân Châu 5		6		5	
254	ĐẶNG VĂN CÚN	12/1/1955	Thôn Tân Châu 5		6		2	
255	ÂN HUYỀN LỘC	11/26/1982	Thôn Tân Châu 5		4		2	
256	LÙ NHẬT KHIỀNG	5/8/1984	Thôn Tân Châu 5		3		2	
257	TÔ XUÂN VIỆT	7/29/1992	Thôn Tân Châu 5		3		2	
258	ĐIỆP THỊ CAM	4/15/1963	Thôn Tân Châu 5		5		2	
259	LÝ VINH QUANG	2/26/1963	Thôn Tân Châu 5		4		2	
260	HÓNG CÚN BẢO	8/12/1985	Thôn Tân Châu 5		4		2	
261	ĐẶNG VĂN BẢO	7/6/1968	Thôn Tân Châu 5		4		4	
262	LỤC VĂN THÚ	2/20/1976	Thôn Tân Châu 5		4		2	
263	ĐẶNG XUÂN VŨ	8/27/1977	Thôn Tân Châu 5		3		2	
264	NGUYỄN VĂN TRỊNH	3/10/1981	Thôn Tân Châu 5	4		2		
265	SÚ VẦY TRÂN	9/21/1976	Thôn Tân Châu 5		5		4	
266	LẦU A TRƯỞNG	2/4/1979	Thôn Tân Châu 5		4		2	
267	LỤC QUÂN	6/7/1980	Thôn Tân Châu 5		4		2	
268	BẰNG VĂN BA	1/28/1964	Thôn Tân Châu 5		8		3	
269	VÒNG CHẾCH ÍNH	4/14/1968	Thôn Tân Châu 5		7		7	
270	TÔ VĂN PHÚ	12/11/1966	Thôn Tân Châu 5		2		2	
271	HỨA VĂN TRANG	3/19/1973	Thôn Tân Châu 5		4		4	

272	HỒNG DUY QUAY	6/13/1986	Thôn Tân Châu 5		3		1	
273	TÔ NGỌC TUẤN	11/5/1975	Thôn Tân Châu 5		3		3	
274	LÀY THỊ THU	10/13/1963	Thôn Tân Châu 5		1			
275	ĐẶNG THỊ LAN	4/14/1968	Thôn Tân Châu 5		7		5	
276	TÔ THỊ NGỌC DUNG	10/20/1980	Thôn Tân Châu 5		4		3	
277	ÂN VĂN CHUNG	9/10/1963	Thôn Tân Châu 5		5		4	
278	LÝ HUY LONG	9/30/1983	Thôn Tân Châu 5		4		2	
279	DIỆP THỊ XINH	9/22/1959	Thôn Tân Châu 5		7		3	
280	TẢY VĂN MINH	4/17/1985	Thôn Tân Châu 5		5		2	
281	PHÙNG NGỌC PHƯƠNG	8/12/1977	Thôn Tân Châu 5		4		3	
282	ÂN TIẾN SÌN	4/12/1974	Thôn Tân Châu 5		5		4	
283	TRẦN VĂN QUỲNH	9/10/1962	Thôn Tân Châu 5		2			
284	HUI THU THÀNH	9/27/1977	Thôn Tân Châu 5		6		4	
285	BẰNG DUYQUANG	8/16/1984	Thôn Tân Châu 5		4		2	
286	BẰNG VĂN PHÚ	12/25/1976	Thôn Tân Châu 5		6		4	
287	BẰNG VĂN SÁNG	5/10/1972	Thôn Tân Châu 5		4		4	
288	K' BÍP	7/17/1980	Thôn Tân Châu 6		7		4	
289	K' LÂM	3/2/1982	Thôn Tân Châu 6		5		2	
290	K' BRIU	5/15/1962	Thôn Tân Châu 6		6		2	
291	K' WIN	10/10/1984	Thôn Tân Châu 6		4		2	
292	K' JỐP	10/24/1986	Thôn Tân Châu 6		5		3	
293	K' BRỆP	7/27/1973	Thôn Tân Châu 6		4		4	
294	KA DEH	1/19/1971	Thôn Tân Châu 6		3		3	
295	K' VÍT	7/21/1991	Thôn Tân Châu 6		4		2	
296	KA YÊN	5/10/1981	Thôn Tân Châu 6		1		1	
297	KA THẢO	8/28/1986	Thôn Tân Châu 6		3		2	
298	K' TAM	1/1/1970	Thôn Tân Châu 6		6		4	
299	K' CHẸO	1/1/1963	Thôn Tân Châu 6		5		4	
300	KA NHÊU	1/1/1968	Thôn Tân Châu 6		4		4	
301	K' GÔS	12/25/1979	Thôn Tân Châu 6		6		2	
302	KA HỀM	1/1/1977	Thôn Tân Châu 6		3		2	
303	K' JÔS	1/1/1970	Thôn Tân Châu 6		5		3	
304	K' DŨNG	4/25/1989	Thôn Tân Châu 6		5		3	
305	K' TÍP	11/17/1971	Thôn Tân Châu 6		3		3	
306	K' NHUYỀN	2/27/1993	Thôn Tân Châu 6		4		2	
307	TAM BOU VÂN	5/24/1989	Thôn Tân Châu 6		4		2	
308	K' TÉP	12/20/1964	Thôn Tân Châu 6		6		2	
309	K' JỘI	1/20/1971	Thôn Tân Châu 6		2		2	
310	K' JÌM	1/1/1972	Thôn Tân Châu 6		4		3	
311	K' DŨNG	6/11/1976	Thôn Tân Châu 6		6		5	
312	K' BIỀN	1/1/1969	Thôn Tân Châu 6		4		3	
313	KA THÊM	1/1/1971	Thôn Tân Châu 6		7		5	
314	K' CHỨA	12/31/1988	Thôn Tân Châu 6		4		2	
315	K' TỐIH	1/20/1970	Thôn Tân Châu 6		5		4	
316	K' BÊM	8/3/1958	Thôn Tân Châu 6		5		2	
317	KA NHIM	9/20/1987	Thôn Tân Châu 6		2		1	
318	K' BROI	5/12/1984	Thôn Tân Châu 6		5		2	
319	K' J ÔN	12/24/1996	Thôn Tân Châu 6		2		2	
320	K' SỐI	1/1/1978	Thôn Tân Châu 6		6		4	
321	K' SÁO	1/1/1972	Thôn Tân Châu 6		3		3	
322	K' THI	4/7/1994	Thôn Tân Châu 6		4		2	
323	K' NHEO	1/1/1973	Thôn Tân Châu 6		5		4	
324	K' NHIỀU	1/1/1940	Thôn Tân Châu 6		7		2	
325	KA DỘI	1/1/1969	Thôn Tân Châu 6		2		2	
326	K' BÈNG	1/1/1964	Thôn Tân Châu 6		4		4	
327	K' SON	3/25/1979	Thôn Tân Châu 6		4		4	
328	K' BYƯ	7/20/1978	Thôn Tân Châu 6		3		3	
329	KA HUYỀN	2/8/1991	Thôn Tân Châu 6		4		2	
330	K' BÈOH	1/1/1981	Thôn Tân Châu 6		4		3	
331	K' QUÂN	12/15/1980	Thôn Tân Châu 6		6		4	
332	KA KLƯ	10/1/1959	Thôn Tân Châu 6		5		2	
333	K' ĐÔIH	6/10/1978	Thôn Tân Châu 6		3		3	
334	K' NHIN	7/1/1985	Thôn Tân Châu 6		6		3	
335	ĐIỀU NGUYỄN MINH HOÀNG	1/24/1996	Thôn Tân Châu 6		4		2	
336	K' LÍP	10/30/1991	Thôn Tân Châu 6		4		2	
337	K' ĐỐI	1/1/1966	Thôn Tân Châu 6		4		3	
338	K' SE	7/26/1981	Thôn Tân Châu 6		2		2	

339	K' JẸT	1/1/1966	Thôn Tân Châu 6		5		4	
340	K' BRIS	7/5/1992	Thôn Tân Châu 6		4		2	
341	KA HIÊN	1/1/1979	Thôn Tân Châu 6		1		1	
342	ĐĂNG MINH BIÊN	12/25/1977	Thôn Tân Châu 6	4		2		
343	K' BRẸP	7/27/1973	Thôn Tân Châu 6		4		4	
344	K' CHIẾU	12/10/1961	Thôn Tân Châu 6		5		3	
345	NGUYỄN HỮU CƯỜNG		Thôn Tân Châu 6	3		3		
346	TRẦN DUY NGỌC	10/27/1978	Thôn Tân Châu 7	4		3		
347	NGUYỄN THỊ CÚC	7/10/1974	Thôn Tân Châu 7	2		2		
348	NGUYỄN HỒNG XUÂN	1969	Thôn Tân Châu 7	5		5		
349	NGUYỄN VĂN MUỐN	1966	Thôn Tân Châu 7	5		4		
350	ĐẬU ĐỨC TÀI	6/1/1959	Thôn Tân Châu 7	3		1		
351	NGUYỄN THIỆN SANH	12/6/1967	Thôn Tân Châu 7	7		5		
352	LÊ VĂN THÂN	1/1/1968	Thôn Tân Châu 7	3		3		
353	NGUYỄN HỒNG NGHĨA	7/26/1957	Thôn Tân Châu 7	4		2		
354	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	4/12/1964	Thôn Tân Châu 7	3		1		
355	LÊ VĂN MẠNH	2/14/1964	Thôn Tân Châu 7	4		2		
356	LÊ THỊ BÊ	1/1/1950	Thôn Tân Châu 7	4		2		
357	LÊ PHI	12/6/1972	Thôn Tân Châu 7	5		5		
358	THÁI TRƯỜNG SƠN	7/16/1976	Thôn Tân Châu 7	3		3		
359	PHẠM THỊ YÊN	1/3/1952	Thôn Tân Châu 7	4		2		
360	PHẠM ĐỨC TIẾN	1/23/1961	Thôn Tân Châu 7	3		2		
361	NGUYỄN KIM BÃO	12/20/1969	Thôn Tân Châu 7	2		2		
362	PHẠM QUANG PHÚC	5/9/1970	Thôn Tân Châu 7	3		3		
363	PHAN THẾ HƯNG	10/25/1962	Thôn Tân Châu 7	4		2		
364	ĐẬU ĐỨC DŨNG	5/11/1964	Thôn Tân Châu 7	4		3		
365	NGUYỄN HUỆ	6/15/1965	Thôn Tân Châu 7	4		4		
366	NGUYỄN VĂN THÀNH	10/10/1968	Thôn Tân Châu 7	5		4		
367	THẠCH SANG	4/8/1974	Thôn Tân Châu 7	4		3		
368	NGUYỄN DIỆN TỒN	6/20/1978	Thôn Tân Châu 7	4		4		
369	NGUYỄN VĂN THÔNG	2/16/1955	Thôn Tân Châu 7	3		2		
370	ĐỖ THANH TÂM	7/5/1973	Thôn Tân Châu 7	4		4		
371	PHẠM THỊ MAI	4/8/1975	Thôn Tân Châu 7	4		4		
372	LÊ CÔNG TRƯỜNG	10/7/1947	Thôn Tân Châu 7	4		2		
373	LƯƠNG ĐÌNH THỊNH	3/6/1974	Thôn Tân Châu 7	4		4		
374	VÕ THI GÁI	5/15/1962	Thôn Tân Châu 7	2		1		
375	NGUYỄN HỮU HÙNG	4/10/1981	Thôn Tân Châu 7	5		3		
376	TRỊNH THỊ MAI DUNG	8/4/1961	Thôn Tân Châu 7	1				
377	MAI THỊ SEN	7/5/1947	Thôn Tân Châu 7	5		3		
378	LÊ MINH PHƯỚC	4/6/1978	Thôn Tân Châu 7	4		2		
379	LÊ KỲ	3/10/1936	Thôn Tân Châu 7	5		3		
380	ĐẶNG THỊ THU	1/8/1962	Thôn Tân Châu 7	4		3		
381	TRẦN NGỌC ANH	8/4/1946	Thôn Tân Châu 7	4		2		
382	HUỲNH VĂN SƠN	1/1/1983	Thôn Tân Châu 7	5		2		
383	ĐỖ THANH SƠN	7/19/1978	Thôn Tân Châu 7	4		2		
384	VŨ VĂN THÀNH	6/11/1958	Thôn Tân Châu 7	4		2		
385	HÀ NGỌC THẠCH	1979	Thôn Tân Châu 7	4		4		
386	ĐẶNG CÔNG KHANH	12/10/1966	Thôn Tân Châu 7	4		2		
387	HOÀNG VĂN SÁNG	5/10/1905	Thôn Tân Châu 7	4		3		
388	NGUYỄN THỊ THANH MỸ	6/26/1975	Thôn Tân Châu 7	3		3		
389	PHẠM VĂN ĐẠT	1962	Thôn Tân Châu 7	5		4		
390	LÂM LƯƠNG TỨ NHÂN	11/15/1988	Thôn Tân Châu 7	4		2		
391	NGUYỄN HỮU HẠNH	3/3/1992	Thôn Tân Châu 7	4		2		
392	HOÀNG QUỐC	8/9/1973	Thôn Tân Châu 7	4		4		
393	MAI ĐỨC ANH	10/8/1952	Thôn Tân Châu 7	4		2		
394	TRẦN VĂN HUY	10/12/1984	Thôn Tân Châu 7	4		2		
395	LÂM TỨ HẢI	11/24/1962	Thôn Tân Châu 7	3		2		
396	LÝ A SÁNG	6/16/1953	Thôn Tân Châu 7	3		1		
397	NGUYỄN VĂN HẠNH	10/20/1956	Thôn Tân Châu 7	5		3		
398	VĂN ĐÌNH THIẾU LÂM	6/10/1974	Thôn Tân Châu 7	4		4		
399	LÝ CẨM LONG	3/29/1980	Thôn Tân Châu 7	4		4		
400	LÊ THỊ THUỲ LIỄU	7/20/1977	Thôn Tân Châu 7	3		3		
401	CHÂU THẾ HÙNG	1/21/1960	Thôn Tân Châu 7	3		1		
402	TRẦN VĂN TRỘM	10/15/1967	Thôn Tân Châu 7	4		4		
403	NGUYỄN MINH PHÚC	1/20/1981	Thôn Tân Châu 7	4		3		
404	LÊ TRẦN QUỐC HUY	4/21/1974	Thôn Tân Châu 7	3		2		
405	ĐỖ BẢY	2/2/1948	Thôn Tân Châu 7	2		1		
406	NGUYỄN THỊ SÁU	1/3/1953	Thôn Tân Châu 7	5		2		
407	ĐỖ CU EM	11/7/1974	Thôn Tân Châu 7	4		4		
408	NGUYỄN VĂN THÔNG	2/16/1955	Thôn Tân Châu 7	6		2		
409	HÀ NGỌC PHƯƠNG	8/7/1972	Thôn Tân Châu 7	5		4		
410	TRẦN VĂN LIẾNG	9/20/1960	Thôn Tân Châu 7	4		2		
411	NGUYỄN THANH DŨNG		Thôn Tân Châu 7	4		4		
412	HOÀNH KIM	5/3/1945	Thôn Tân Châu 7	4		2		
413	TRƯƠNG CÔNG DỪA	4/14/1969	Thôn Tân Châu 7	4		4		
414	ĐẬU NGUYỄN MÃ LONG	7/27/1978	Thôn Tân Châu 7	4		4		
415	TRƯƠNG CÔNG GỌI	5/25/1978	Thôn Tân Châu 7	4		3		
416	HUỲNH VĂN HẬU	9/9/1985	Thôn Tân Châu 7	4		2		
417	NGUYỄN THƯỞNG	3/10/1983	Thôn Tân Châu 7	4		3		
418	NGUYỄN VĂN PHÚC	12/6/1981	Thôn Tân Châu 7	4		2		

419	TRẦN CÔNG LUẬN	1/1/1964	Thôn Tân Châu 7	3		1		
420	TRẦN CÔNG LẬP	12/2/1966	Thôn Tân Châu 7	4		4		
421	NGUYỄN VĂN THUẬN	4/18/1984	Thôn Tân Châu 7	4		4		
422	TRẦN TRỊ	1977	Thôn Tân Châu 7	2		2		
423	PHAM KIM TOÀN	10/2/1977	Thôn Tân Châu 7	2		2		
424	TÔ KIM TUYẾN	4/2/1966	Thôn Tân Châu 7		6		3	
425	LÊ ĐỨC PHÚC	10/20/1968	Thôn Tân Châu 7	3		2		
426	NGUYỄN NGỌC THỊNH	2/27/1959	Thôn Tân Châu 7	4		2		
427	TRẦN ĐỨC DŨNG	1/19/1962	Thôn Tân Châu 7	4		2		
428	PHẠM THỊ KHẨU	2/10/1959	Thôn Tân Châu 7	4		2		
429	TRẦN ANH LỘC	1/2/1986	Thôn Tân Châu 7	5		2		
430	NGUYỄN MIN	1/1/1964	Thôn Tân Châu 7	3		1		
431	TỪ ĐÌNH HẢI	11/20/1950	Thôn Tân Châu 7	2				
432	LÊ ĐĂNG VŨ	9/18/1983	Thôn Tân Châu 7	5		2		
433	NGUYỄN THỊ LAN	2/2/1955	Thôn Tân Châu 7	5		3		
434	HOÀNG NGUYÊN	4/2/1953	Thôn Tân Châu 7	3		1		
435	NGUYỄN ĐÌNH CHẢI	25/8/1971	Thôn Tân Châu 8	4		4		
436	NGUYỄN THẾ CƯỜNG	02/9/1975	Thôn Tân Châu 8	4		3		
437	TRẦN ĐÌNH NHẪN	10/9/1973	Thôn Tân Châu 8	4		4		
438	LÊ THỊ VÂN	21/8/1978	Thôn Tân Châu 8	2		1		
439	PHẠM VĂN DŨNG	11/10/1971	Thôn Tân Châu 8	4		4		
440	ĐẶNG THỊ THANH THUỶ	23/8/1982	Thôn Tân Châu 8	4		3		
441	PHẠM VĂN HOÀNG	12/20/1968	Thôn Tân Châu 8	3		3		
442	ĐỖ HỮU LỢI	11/20/1956	Thôn Tân Châu 8	3		1		
443	ĐỒNG NGỌC TRÍ	10/12/1967	Thôn Tân Châu 8	5		4		
444	TRẦN THÒNG CHẦN	6/7/1974	Thôn Tân Châu 8		4		3	
445	PHẠM VĂN QUẾ	12/12/1976	Thôn Tân Châu 8	5		2		
446	DƯƠNG THỊ HIỆP	4/14/1963	Thôn Tân Châu 8	5		4		
447	PHẠM THỊ MAI	8/16/1974	Thôn Tân Châu 8	5		5		
448	ĐỒNG NGỌC MỜI	5/28/1976	Thôn Tân Châu 8	4		2		
449	LƯƠNG ANH TUYẾN	10/16/1982	Thôn Tân Châu 8	4		2		
450	TRẦN THUẬT	7/18/1967	Thôn Tân Châu 8	4		4		
451	NGÔ VĂN HÙNG	5/7/1973	Thôn Tân Châu 8	4		3		
452	NGUYỄN VĂN TUẤN	7/1/1978	Thôn Tân Châu 8	4		2		
453	NGUYỄN VĂN THẮNG	10/10/1970	Thôn Tân Châu 8	5		2		
454	PHẠM VĂN MAI	8/15/1953	Thôn Tân Châu 8	2				
455	ĐINH VĂN CẤP	5/15/1974	Thôn Tân Châu 8	3		3		
456	ĐINH SỸ ĐÀO	5/15/1969	Thôn Tân Châu 8	4		2		
457	LÊ TRỌNG NGỌC	5/15/1958	Thôn Tân Châu 8	6		2		
458	TRỊNH ĐÌNH CƯỜNG	4/4/1980	Thôn Tân Châu 8	4		2		
459	TRẦN VĂN HỮU	1/1/1972	Thôn Tân Châu 8	4		3		
460	HOÀNG LƯƠNG TÂM	1/1/1970	Thôn Tân Châu 8	4		2		
461	NGÔ VĂN QUÝ	8/3/1961	Thôn Tân Châu 8	3		3		
462	BÙI THỊ LAN	6/5/1970	Thôn Tân Châu 8	5		5		
463	TRẦN THỊ QUANG	6/4/1968	Thôn Tân Châu 8	1		1		
464	ĐẶNG GIANG NAM	8/24/1987	Thôn Tân Châu 8	3		2		
465	HÀ HỮU DƯƠNG	10/10/1988	Thôn Tân Châu 8	3		1		
466	DƯƠNG THỊ DIỆN	9/2/1962	Thôn Tân Châu 8	8		5		
467	LỤC KHƯƠNG DUY	1/14/1990	Thôn Tân Châu 8	4		2		
468	TÔ VĂN THƯƠNG	6/20/1964	Thôn Tân Châu 8	7		3		
469	TRẦN THỊ HOÀN	7/6/1970	Thôn Tân Châu 8	3		3		
470	NGÔ HỒNG VUI	5/15/1954	Thôn Tân Châu 8	6		4		
471	NGUYỄN XUÂN TẬP	9/3/1959	Thôn Tân Châu 8	5		3		
472	HOÀ THỊ HUÊ	4/20/1966	Thôn Tân Châu 8	5		3		
473	NGUYỄN VĂN TUẤN	1/10/1983	Thôn Tân Châu 8	4		2		
474	MẠCH NGỌC CƯỜNG	4/24/1976	Thôn Tân Châu 8	4		3		
475	PHẠM ĐÌNH LỐNG	5/10/1965	Thôn Tân Châu 8	6		5		
476	TRỊNH ĐỨC TOÀN	11/15/1979	Thôn Tân Châu 8	4		3		
477	HOÀNG VĂN LUÂN	9/21/1961	Thôn Tân Châu 8	5		4		
478	MAI VĂN TIẾN	8/22/1970	Thôn Tân Châu 8	4		2		
479	PHÙNG VĂN SỸ	5/23/1977	Thôn Tân Châu 8	3		2		
480	HỒ TẤN DŨNG	3/6/1979	Thôn Tân Châu 8	4		3		
481	NGUYỄN THỊ PHỤNG	5/10/1952	Thôn Tân Châu 8	2				
482	TÔ THỊ NHUNG	5/10/1954	Thôn Tân Châu 8	5		2		
483	LÊ MAI KHIÊM	9/1/1979	Thôn Tân Châu 8	5		3		
484	TRẦN NGỌC LỊCH	6/26/1970	Thôn Tân Châu 8	4		4		
485	ĐINH THỊ HUỆ	10/2/1958	Thôn Tân Châu 8	2				
486	TRẦN VĂN ĐỊNH	6/2/1958	Thôn Tân Châu 8	3		1		
487	NGUYỄN HỮU SEN	3/2/1964	Thôn Tân Châu 8	4		3		
488	TRẦN ĐÌNH BÌNH	12/20/1975	Thôn Tân Châu 8	3		3		

489	LÊ VĂN QUANG	5/19/1964	Thôn Tân Châu 8	5		3		
490	TRẦN ĐĂNG KHOA	8/19/1974	Thôn Tân Châu 8	4		4		
491	NGUYỄN THANH HẢI	12/25/1968	Thôn Tân Châu 8	3		3		
492	TRẦN ĐÌNH CẢN	9/7/1962	Thôn Tân Châu 8	3		2		
493	BÙI VIẾT DŨNG	9/11/1971	Thôn Tân Châu 8	4		4		
494	BÙI VĂN QUANG	6/20/1947	Thôn Tân Châu 8	4		2		
495	NGÔ HỒNG ÁNH	10/2/1967	Thôn Tân Châu 8	2		2		
496	NGUYỄN TRUNG KIÊN	10/10/1978	Thôn Tân Châu 8	6		2		
497	TRẦN TRUNG TÍNH	1/16/1979	Thôn Tân Châu 8	3		2		
498	NGUYỄN VĂN THỰC	12/20/1966	Thôn Liên Châu	7		4		
499	NGUYỄN VĂN TUẤN	3/10/1976	Thôn Liên Châu	4		4		
500	HOÀNG ANH SƠN	2/24/1982	Thôn Liên Châu	5		3		
501	TRẦN ĐÌNH SỬ	3/17/1962	Thôn Liên Châu	3		1		
502	CAO VĂN ĐỒNG	2/10/1978	Thôn Liên Châu	6		3		
503	NGUYỄN VĂN VỰ	9/10/1969	Thôn Liên Châu	5		4		
504	TRẦN VĂN QUANG	2/2/1968	Thôn Liên Châu	4		4		
505	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	1/1/1957	Thôn Liên Châu	4		2		
506	LÊ THỊ HIỀN	10/4/1977	Thôn Liên Châu	3		3		
507	NGUYỄN ĐÌNH LUÂN	2/3/1969	Thôn Liên Châu	3		3		
508	PHAN HẢI	7/20/1962	Thôn Liên Châu	3		1		
509	NGÔ VĂN CƯỜNG	6/10/1972	Thôn Liên Châu	3		3		
510	NGUYỄN CẢN	6/20/1947	Thôn Liên Châu	2				
511	NGUYỄN VĂN HƯNG	3/26/1980	Thôn Liên Châu	3		3		
512	TRẦN ĐÌNH BẰNG	10/10/1978	Thôn Liên Châu	5		4		
513	NGUYỄN VĂN LINH	9/6/1967	Thôn Liên Châu	3		2		
514	TRẦN VĂN THÂN	11/9/1978	Thôn Liên Châu	4		4		
515	HÀN THIỆN PHÚ	9/25/1965	Thôn Liên Châu	3		3		
516	NGUYỄN CHÍ THÂN	6/2/1968	Thôn Liên Châu	3		3		
517	NGUYỄN VĂN TUẤN	3/18/1976	Thôn Liên Châu	4		4		
518	LÊ ĐÌNH THÁM	12/23/1974	Thôn Liên Châu	5		5		
519	NGUYỄN VĂN MAI	7/12/1971	Thôn Liên Châu	4		4		
520	BÙI THỊ NHỚ	11/16/1970	Thôn Liên Châu	4		2		
521	CAO THỊ THOAN	7/2/1973	Thôn Liên Châu	4		4		
522	TRẦN DUY PHƯỢNG	6/16/1974	Thôn Liên Châu	5		5		
523	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	8/14/1972	Thôn Liên Châu	3		3		
524	NGUYỄN HUY LỀ	1/1/1970	Thôn Liên Châu	6		5		
525	LÊ ĐÌNH CÔNG	10/14/1993	Thôn Liên Châu	4		2		
526	NGUYỄN ĐÌNH MẬU	8/10/1949	Thôn Liên Châu	3		1		
527	LÊ ĐÌNH CHUYÊN	4/14/1964	Thôn Liên Châu	3		3		
528	VŨ ĐÌNH TOẢN	2/6/1974	Thôn Liên Châu	4		4		
529	ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN	8/13/1995	Thôn Liên Châu	3		1		
530	ĐẶNG HƯƠNG CANH	4/10/1970	Thôn Liên Châu	3		3		
531	HOÀNG PHẠM THẮNG	3/8/1977	Thôn Liên Châu	4		3		
532	TRẦN ĐÌNH ĐÔ	2/3/1968	Thôn Liên Châu	3		3		
533	MAI VĂN PHƯỢNG	1/1/1963	Thôn Liên Châu	6		4		
534	HÀ VĂN ĐỒNG	7/27/1981	Thôn Liên Châu	4		2		
535	SỲ QUANG PHÚC	5/4/1969	Thôn Liên Châu	5		5		
536	VŨ THỊ LỢI	6/20/1962	Thôn Liên Châu	4		1		
537	ĐẬU TRỌNG HUẾ	4/11/1975	Thôn Liên Châu	4		3		
538	LÊ ĐÌNH ĐỨC	7/29/1968	Thôn Liên Châu	5		5		
539	ĐẬU THỊ BÍNH	6/7/1976	Thôn Liên Châu	3		3		
540	NGUYỄN HỮU PHÚC	11/20/1969	Thôn Liên Châu	6		6		
541	PHẠM NGỌC HẢI	3/8/1972	Thôn Liên Châu	7		5		
542	LÊ NĂM HỒNG	2/2/1964	Thôn Liên Châu	7		5		
543	NGUYỄN ĐÌNH CẢN	3/23/1950	Thôn Liên Châu	2		1		
544	LÂM VĂN THUỶ	1960	Thôn Liên Châu	2				
545	LÊ THỊ HUỆ	12/20/1956	Thôn Liên Châu	8		3		
546	PHẠM VĂN SE	10/4/1962	Thôn Liên Châu	3		1		
547	NGUYỄN THỊ HOÀ	3/3/1963	Thôn Liên Châu	8		5		
548	DƯƠNG CÔNG VẬN	11/13/1955	Thôn Liên Châu	7		3		
549	TRẦN ĐÌNH LĨNH	5/6/1982	Thôn Liên Châu	4		2		
550	LÊ THỊ LUẬN	9/8/1962	Thôn Liên Châu	4		3		
551	NGUYỄN THỊ HỒNG	10/10/1966	Thôn Liên Châu	6		5		
552	NGUYỄN THANH TÂN	4/14/1962	Thôn Liên Châu	6		5		
553	TRẦN VĂN HÙNG	9/14/1967	Thôn Liên Châu	3		3		
554	CHU VĂN HIỀN	6/10/1968	Thôn Liên Châu	8		4		
555	LÊ ĐÌNH MINH	6/12/1996	Thôn Liên Châu	4		2		

556	MAI VĂN SÁU	11/10/1968	Thôn Liên Châu	6		5		
557	ĐOÀN XUÂN TÂM	8/15/1974	Thôn Liên Châu	4		3		
558	PHẠM HOÀNG THANH HUY	8/27/1980	Thôn Liên Châu	5		2		
559	BÙI THỊ ĐẬU	1/17/1964	Thôn Liên Châu	4		2		
560	PHAN ANH TUẤN	6/16/1984	Thôn Liên Châu	4		3		
561	LÊ THỊ TÂN	5/10/1963	Thôn Liên Châu	3		2		
562	LƯU VĂN NHÌ	9/29/1974	Thôn Liên Châu	5		4		
563	LÊ THỊ BÍCH LAN	8/8/1975	Thôn Liên Châu	4		4		
564	CHƯƠNG VĂN HÙNG	7/1/1985	Thôn Liên Châu	4		3		
565	HỒ THANH SƠN	8/10/1977	Thôn Liên Châu	4		4		
566	ĐẶNG THANH SƠN	5/20/1953	Thôn Liên Châu	5		3		
567	TRẦN VĂN MẠNH	2/19/1990	Thôn Liên Châu	4		2		
568	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	10/22/1973	Thôn Liên Châu	7		5		
569	NGUYỄN DUY HẢI	10/5/1978	Thôn Liên Châu	4		4		
570	ĐẶNG THỊ TRÀ	11/6/1981	Thôn Liên Châu	2		2		
571	HỒ THỊ THUỶ	3/11/1985	Thôn Liên Châu	6		4		
572	PHẠM ĐÌNH HIỀN	10/20/1969	Thôn Liên Châu	6		2		
573	VŨ QUỐC TOẢN	3/4/1963	Thôn Liên Châu	6		4		
574	NGUYỄN TIN	11/11/1972	Thôn Liên Châu	5		5		
575	NGUYỄN CƯỜNG	8/20/1974	Thôn Liên Châu	3		2		
576	HUỲNH NGỌC BẢNG	4/26/1986	Thôn Liên Châu	3		3		
577	VÕ MINH TUẤN	10/5/1982	Thôn Liên Châu	4		3		
578	TRẦN THỊ BÍCH	5/5/1979	Thôn Liên Châu	4		4		
579	ĐOÀN THỊ HOÀ	4/26/1988	Thôn Liên Châu	4		2		
580	ĐẶNG ĐÌNH THỐNG	7/20/1974	Thôn Liên Châu	6		5		
581	HUỲNH XUÂN HIỀN	11/6/1978	Thôn Liên Châu	4		3		
582	ĐOÀN VĂN BIÊN	4/3/1964	Thôn Liên Châu	4		4		
583	TRẦN ĐOÀN	5/5/1958	Thôn Liên Châu	2				
584	NGUYỄN HUY THẾ	4/25/1975	Thôn Liên Châu	5		4		
585	PHẠM THỊ THUÝ	1/1/1973	Thôn Liên Châu	3		3		
586	LÊ THỊ SIM	9/12/1963	Thôn Liên Châu	5		5		
587	VƯƠNG NÔNG	1/1/1964	Thôn Liên Châu	5		5		
588	NGUYỄN THỊ OANH	10/20/1970	Thôn Liên Châu	5		4		
589	VƯƠNG QUỐC TỪ	1/14/1986	Thôn Liên Châu	4		3		
590	LÊ ĐÌNH LIÊM	9/20/1957	Thôn Liên Châu	5		4		
591	VÕ VĂN HỒNG	10/10/1962	Thôn Liên Châu	6		3		
592	VƯƠNG CÔNG	1/1/1962	Thôn Liên Châu	3		1		
593	VŨ ĐÌNH HÙNG	12/5/1969	Thôn Liên Châu	4		4		
594	HOÀNG VĂN QUANG	5/19/1974	Thôn Liên Châu	3		3		
595	HOÀNG VĂN SƠN	4/20/1974	Thôn Liên Châu	3		3		
596	NGUYỄN VĂN HOÀ	10/1/1990	Thôn Liên Châu	5		2		
Tổng cộng 596 hộ				**1,097**	**1,515**	**765**	**1,000**	**0**

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ DI LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Di Linh, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH HỘ LÀM NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2026

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số khẩu		SỐ NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG		Ghi chú
				Kinh	DTTS	Kinh	DTTS	
1	KA REO	9/2/1987	Thôn Liên Đầm 5		3		2	
2	KA HỒNH	10/5/1975	Thôn Liên Đầm 5		4		4	
3	YA LUY	6/7/1982	Thôn Liên Đầm 5		4		4	
4	VŨ THỊ LAN	9/13/1973	Thôn Liên Đầm 5	4		4		
5	VŨ XUÂN BẰNG	2/26/1953	Thôn Liên Đầm 5	5		2		
6	TRỊNH VĂN LỰC	6/13/1960	Thôn Liên Đầm 5	6		2		
7	TRỊNH XUÂN THAO	4/20/1945	Thôn Liên Đầm 5	3		1		
8	TRỊNH VĂN TÙNG	6/22/1988	Thôn Liên Đầm 5	4		2		
9	TRỊNH XUÂN THẠO	4/20/1945	Thôn Liên Đầm 5	6		4		
10	VŨ NGỌC SƠN	2/3/1961	Thôn Liên Đầm 5	5		2		
11	VÕ THANH TUÂN	11/12/1961	Thôn Liên Đầm 5	4		3		
12	K' BRỔIH	1/1/1965	Thôn Liên Đầm 5		6		4	
13	K' ĐỒI	3/19/1985	Thôn Liên Đầm 5		4		2	
14	K' MINH	2/14/1992	Thôn Liên Đầm 5		4		2	
15	K' GEM DRÒNG TÔ	10/6/1940	Thôn Liên Đầm 5		2		1	
16	LONG NYE THỎI	10/15/1977	Thôn Liên Đầm 5		6		4	
17	KA THUNH	10/25/1988	Thôn Liên Đầm 5		4		2	
18	K' SÊM	1/1/1962	Thôn Liên Đầm 5		9		4	
19	K' GOIH	12/3/1977	Thôn Liên Đầm 5		6		5	
20	K' BRỌP	4/10/1980	Thôn Liên Đầm 5		6		5	
21	K' CHIN	1/1/1971	Thôn Liên Đầm 5		7		6	
22	K' GÓI	1/1/1962	Thôn Liên Đầm 5		7		3	
23	KA THẬP	1/1/1978	Thôn Liên Đầm 5		4		2	
24	KA HIỂNG	8/15/1987	Thôn Liên Đầm 5		5		2	
25	MOUL BREL	5/1/1964	Thôn Liên Đầm 5		5		2	
26	K' BƠI	3/27/1993	Thôn Liên Đầm 5		3		2	
27	KA HUỆ	5/14/1986	Thôn Liên Đầm 5		5		3	
28	KA HỘI	9/1/1990	Thôn Liên Đầm 5		12		8	
29	K' BRIM	1/1/1949	Thôn Liên Đầm 5		6		3	
30	KON YAI TỐP	2/17/1959	Thôn Liên Đầm 5		5		2	
31	K' GỎI	1/1/1965	Thôn Liên Đầm 5		4		3	
32	K' GỐS	1/1/1987	Thôn Liên Đầm 5		7		3	

33	TRẦN XUÂN VỸ	1/6/1994	Thôn Liên Đầm 5	4		2		
34	LÊ KIM DŨNG	1/2/1977	Thôn Liên Đầm 5	4		4		
35	KA TRÔNG	7/5/1941	Thôn Liên Đầm 5		6		4	
36	K' DOAN	5/10/1975	Thôn Liên Đầm 5		5		5	
37	K' BRỒM	2/25/1973	Thôn Liên Đầm 5		9		7	
38	KA NHONG	1/1/1971	Thôn Liên Đầm 5		3		3	
39	K' BỀM	7/9/1978	Thôn Liên Đầm 5		5		5	
40	K' BẸO	1/1/1967	Thôn Liên Đầm 5		3		3	
41	K' GỪNG	4/15/1989	Thôn Liên Đầm 5		5		3	
42	LONG NYE BỎI	1/1/1973	Thôn Liên Đầm 5		8		0	
43	K' BRÓP	12/19/1987	Thôn Liên Đầm 5		8		5	
44	K' BÔN	9/27/1962	Thôn Liên Đầm 5		8		4	
45	K' TIÊN	11/12/1978	Thôn Liên Đầm 5		4		4	
46	LONG NYE THỈN	10/20/1993	Thôn Liên Đầm 5		4		2	
47	K' BỐS	12/8/1975	Thôn Liên Đầm 5		5		4	
48	K' PÊNG	1/1/1963	Thôn Liên Đầm 5		3		3	
49	K' GẾP	1/1/1950	Thôn Liên Đầm 5		3		1	
50	K' GÊU	4/2/1949	Thôn Liên Đầm 5		6		2	
51	K' BRÊL	1/1/1973	Thôn Liên Đầm 5		3		2	
52	K' GUT	12/30/1946	Thôn Liên Đầm 5		2		1	
53	KA THENG	10/25/1969	Thôn Liên Đầm 5		10		6	
54	KA HẠNH	5/26/1996	Thôn Liên Đầm 5		9		5	
55	KA LIỄU	7/7/1952	Thôn Liên Đầm 5		6		4	
56	K' BÊM	6/10/1968	Thôn Liên Đầm 5		6		6	
57	K' BÍCH	8/4/1987	Thôn Liên Đầm 5		7		4	
58	KA BRẺOH	1/1/1959	Thôn Liên Đầm 5		9		6	
59	K' ĐIN	5/10/1972	Thôn Liên Đầm 5		6		4	
60	K' BRẢO	1/27/1986	Thôn Liên Đầm 5		5		4	
61	K' RIM	10/30/1981	Thôn Liên Đầm 5		8		4	
62	LONG NHÍC VÂN	4/14/1977	Thôn Liên Đầm 5		6		6	
63	K' BAS	1/1/1954	Thôn Liên Đầm 5		5		3	
64	K' NHẾP	10/23/1987	Thôn Liên Đầm 5		4		3	
65	KA THỊ	11/14/1984	Thôn Liên Đầm 5		4		2	
66	KA THIỀN	1/1/1947	Thôn Liên Đầm 5		3		2	
67	K' PÊN	6/17/1983	Thôn Liên Đầm 5		4		3	
68	KA NHỐI	1/1/1966	Thôn Liên Đầm 5		6		3	
69	KA NHÓP	1/1/1963	Thôn Liên Đầm 5		5		3	
70	K' LỜN	6/20/1985	Thôn Liên Đầm 5		6		3	
71	KA HIỀN	7/15/1988	Thôn Liên Đầm 5		6		3	
72	BRỤI LONG TIN	5/17/1994	Thôn Liên Đầm 5		5		2	
73	K' BRÔI	1/1/1960	Thôn Liên Đầm 5		7		2	
74	KA RỐIH	10/17/1983	Thôn Liên Đầm 5		4		3	

75	CIL TIN	1/1/1967	Thôn Liên Đầm 5		6		4	
76	KA HỒI	6/7/1968	Thôn Liên Đầm 5		8		3	
77	K' TRUNG	8/15/1989	Thôn Liên Đầm 5		5		2	
78	K' NỈN	10/2/1985	Thôn Liên Đầm 5		5		3	
79	KA THOẸ	8/24/1995	Thôn Liên Đầm 5		4		2	
80	K' NGHỚI	1/1/1963	Thôn Liên Đầm 5		7		3	
81	K' BLẾP	1/1/1971	Thôn Liên Đầm 5		8		6	
82	K' TÂM	5/25/1980	Thôn Liên Đầm 5		7		6	
83	KA NHỜS	1/1/1979	Thôn Liên Đầm 5		4		4	
84	K' GIN	7/6/1973	Thôn Liên Đầm 5		3		3	
85	KA HẸO	1/1/1938	Thôn Liên Đầm 5		2		1	
86	K' NÔIH	10/10/1980	Thôn Liên Đầm 5		4		4	
87	K' BRÒI	10/7/1982	Thôn Liên Đầm 5		4		3	
88	K' BROIH	1/1/1963	Thôn Liên Đầm 5		7		5	
89	K' ĐIM	7/4/1966	Thôn Liên Đầm 5		7		6	
90	DA NIAL GỘCH	8/10/1987	Thôn Liên Đầm 5		3		2	
91	K' BRAO	3/17/1978	Thôn Liên Đầm 5		4		4	
92	K' BRÚT	1/1/1948	Thôn Liên Đầm 5		8		6	
93	K' BRỐCH	1/1/1983	Thôn Liên Đầm 5		6		2	
94	K' NUIH	8/16/1995	Thôn Liên Đầm 5		3		2	
95	K' BƯỜNG	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 5		5		5	
96	K' BRIU	2/2/1971	Thôn Liên Đầm 5		5		5	
97	K' NIM	4/24/1989	Thôn Liên Đầm 5		4		2	
98	K' GIN	3/5/1983	Thôn Liên Đầm 5		6		2	
99	K' JÍP	9/26/1991	Thôn Liên Đầm 5		3		2	
100	KA DẾP	1/10/1985	Thôn Liên Đầm 5		5		4	
101	DRONG BIL	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 5		5		5	
102	KA THUÝ	6/24/1986	Thôn Liên Đầm 5		5		4	
103	K' JÊN	1/1/1971	Thôn Liên Đầm 5		6		6	
104	K' BÉT	1/1/1963	Thôn Liên Đầm 5		6		3	
105	K' NÔM	10/19/1959	Thôn Liên Đầm 5		6		2	
106	K' GƠN	1/18/1977	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
107	K' BRẸP	1/1/1972	Thôn Liên Đầm 9		8		4	
108	K' JỊP	1/1/1975	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
109	K' GÔI	3/10/1984	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
110	K' BIỆP	7/14/1982	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
111	KA HÌM	1/1/1975	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
112	KA NHỆP	1/1/1948	Thôn Liên Đầm 9		5		2	
113	K' BẾP	6/3/1969	Thôn Liên Đầm 9		8		6	
114	KA NHÔIH	1/1/1960	Thôn Liên Đầm 9		8		5	
115	KA THOEN	8/17/1988	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
116	JƠ NƯNG SANG PHƯỚC	1/1/1981	Thôn Liên Đầm 9		5		4	

117	JƠ NUNG SANG ƯỚC	1/21/1984	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
118	NGUYỄN BÁ BÀNG	6/19/1958	Thôn Liên Đầm 9	2				
119	K' NÊN	5/19/1984	Thôn Liên Đầm 9		6		6	
120	KA DỤI	8/10/1970	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
121	LÊ CẢNH THAO	11/22/1976	Thôn Liên Đầm 9	4		3		
122	KA MHỒI	1/26/1981	Thôn Liên Đầm 9		3		3	
123	K' VIÊM	10/12/1979	Thôn Liên Đầm 9		5		2	
124	K' ĐÈS	5/3/1968	Thôn Liên Đầm 9		7		6	
125	K' TRÔI	1/1/1973	Thôn Liên Đầm 9		9		6	
126	KA THỌI	9/13/1984	Thôn Liên Đầm 9		5		2	
127	K' SỎI	3/22/1996	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
128	K' BRÌN	5/5/1988	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
129	K' GỀM	1/1/1965	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
130	K' BÓS	1/1/1974	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
131	K' BRẸP	1/1/1965	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
132	YAN KAR MƠN	12/25/1995	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
133	K' PỂU	4/10/1974	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
134	K' BRAU	11/30/1972	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
135	K' TIH	9/20/1997	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
136	KA NHỘP	1/1/1957	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
137	K' VÔI	4/3/1979	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
138	K' YẢ	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
139	DRÒNG NAU NGÂN	8/20/1988	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
140	KA NHÀNH	5/18/1999	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
141	K' BRÀI	6/4/1990	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
142	KA DỘP	1/1/1966	Thôn Liên Đầm 9		11		6	
143	KA HẠ	8/15/1997	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
144	K BRY	1/1/1990	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
145	KA BES	1/1/1969	Thôn Liên Đầm 9		7		5	
146	K' NINH	1/13/1986	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
147	K' KLIM	1/1/1979	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
148	K' BÓS	1/1/1982	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
149	NGÔ THỊ PHƯƠNG THUỲ	7/13/1981	Thôn Liên Đầm 9	5		4		
150	K' BRỒH	1/1/1966	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
151	K' BRỢP	1/2/1975	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
152	KA DÉP	1/1/1954	Thôn Liên Đầm 9		7		3	
153	K' NỐI	10/5/1967	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
154	KA BRÈN	11/14/1980	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
155	K' BỆU	1/1/1948	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
156	KA NHÒI	4/27/1990	Thôn Liên Đầm 9		3		1	
157	KA THOE	4/16/1990	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
158	YA LUẬN	9/7/1976	Thôn Liên Đầm 9		6		4	

159	KA ĐÔI	1/1/1969	Thôn Liên Đầm 9		9		6	
160	KA EM	8/30/1974	Thôn Liên Đầm 9		3		3	
161	K' GỒNH	6/6/1975	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
162	LONG NGE GẸP	1/1/1966	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
163	K' LANG	12/24/1981	Thôn Liên Đầm 9		7		6	
164	K' ĐÔI	1/1/1972	Thôn Liên Đầm 9		9		5	
165	NRÒNG BIS	5/6/1985	Thôn Liên Đầm 9		9		5	
166	K' BRỒNH	6/12/1981	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
167	KA MHÊM	1/1/1948	Thôn Liên Đầm 9		8		4	
168	K' TỐI	1/1/1961	Thôn Liên Đầm 9		8		4	
169	K' BRÔI	9/5/1974	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
170	K' GÈM	12/30/1981	Thôn Liên Đầm 9		5		2	
171	K' BỐI	7/3/1976	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
172	KA DÙM	4/13/1996	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
173	K' SÉP	1/1/1967	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
174	KA DÔH	1/1/1955	Thôn Liên Đầm 9		6		3	
175	K' BỘT	4/1/1987	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
176	KA HIU	8/23/1996	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
177	K' MINH	6/15/1988	Thôn Liên Đầm 9		6		3	
178	K' BIN	4/29/1972	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
179	K' RIN	5/15/1978	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
180	K' ĐIS	12/17/1976	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
181	TRẦN VĂN TOÀN	7/10/1989	Thôn Liên Đầm 9	3		2		
182	KA THỎI	3/15/1988	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
183	NRONG BRỪM	8/28/1987	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
184	NGUYỄN THỊ HẰNG	11/24/1985	Thôn Liên Đầm 9	4		3		
185	K' BÈS	1/1/1964	Thôn Liên Đầm 9		7		4	
186	K' MÈN	5/20/1978	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
187	K' BEO	10/10/1979	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
188	K' GEO	5/20/1973	Thôn Liên Đầm 9		9		7	
189	K' TÂN	9/6/1976	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
190	LÊ THỊ MIỀN	5/19/1973	Thôn Liên Đầm 9	4		2		
191	VÕ HỒNG	10/2/1961	Thôn Liên Đầm 9	3		2		
192	NGUYỄN THỊ THUẦN	9/20/1960	Thôn Liên Đầm 9	2		2		
193	SƠ NƯR TÚ	7/10/1990	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
194	KA RẸO	3/14/1984	Thôn Liên Đầm 9		3		3	
195	KA THĂN	12/29/1990	Thôn Liên Đầm 9		2		2	
196	KA THƠM	12/2/1972	Thôn Liên Đầm 9		6		6	
197	K' JẸO	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
198	K' SỘI	5/19/1983	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
199	KA THOA	5/24/1994	Thôn Liên Đầm 9		8		5	
200	KA HẾT	1/20/1968	Thôn Liên Đầm 9		5		3	

201	K' BRƠIH	1/1/1969	Thôn Liên Đầm 9		8		6	
202	KA NHỤI	1/1/1965	Thôn Liên Đầm 9		10		8	
203	KA JỘI	1/1/1966	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
204	K' BRIU	1/7/1979	Thôn Liên Đầm 9		6		6	
205	K' WAI	9/12/1965	Thôn Liên Đầm 9		7		3	
206	K' YIN	12/10/1991	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
207	K' BRỘI	1/1/1970	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
208	K' DỆP	1/1/1969	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
209	K' NỒNH	8/14/1989	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
210	BRỤI DRÒNG KỲ	8/20/1974	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
211	BRỤI DRÒNG HẢO	7/29/1967	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
212	KA DUS	8/13/1976	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
213	PHẠM MINH HOÀN	6/4/1959	Thôn Liên Đầm 9	3		1		
214	KA MIN	7/9/1982	Thôn Liên Đầm 9		7		5	
215	KA HÌN	2/28/1991	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
216	KA DUYỀN	10/17/1996	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
217	K' BRỘI	4/18/1974	Thôn Liên Đầm 9		9		5	
218	K' VÂN	5/1/1978	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
219	KA THUÝ	8/24/1983	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
220	K' XUÂN	5/28/1985	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
221	K' LINH	10/11/1986	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
222	K' BRỈU	3/16/1994	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
223	KA NHỜN	1/1/1974	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
224	K' DỒI	8/12/1978	Thôn Liên Đầm 9		7		5	
225	KA NHOL	1/1/1959	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
226	K' KỶ	8/13/1978	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
227	K' NHÍT	5/30/1967	Thôn Liên Đầm 9		6		3	
228	KA LÚS	8/28/1992	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
229	KA NHỘP	1/1/1922	Thôn Liên Đầm 9		7		4	
230	TRẦN BẢY	2/16/1964	Thôn Liên Đầm 9	4		3		
231	KA NHỆT	1/10/1982	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
232	ĐÀO NGỌC SINH	4/10/1955	Thôn Liên Đầm 9	8		3		
233	NGUYỄN SỸ VINH	10/10/1952	Thôn Liên Đầm 9	5		2		
234	KA HÀ	1/13/1994	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
235	K' JẾS	1/1/1958	Thôn Liên Đầm 9		3		1	
236	KA HUỆ	9/20/1981	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
237	YA NHÂN	11/20/1981	Thôn Liên Đầm 9		6		3	
238	K' GÉS	1/1/1972	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
239	KA NHỞ	9/20/1995	Thôn Liên Đầm 9		6		3	
240	K' BRỌP	7/12/1973	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
241	KA DẸP	5/3/1975	Thôn Liên Đầm 9		6		2	
242	KA DĨU	7/11/1987	Thôn Liên Đầm 9		3		1	

243	K' BÊ	1/1/1943	Thôn Liên Đầm 9		8		4	
244	VŨ VĂN QUANG	3/20/1955	Thôn Liên Đầm 9	3		1		
245	KA HÔH	3/19/1959	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
246	KA' HÓS	3/18/1976	Thôn Liên Đầm 9		2		2	
247	K' WẸO	8/25/1978	Thôn Liên Đầm 9		7		5	
248	KA NHỘI	1/1/1948	Thôn Liên Đầm 9		5		2	
249	KA THÈS	8/7/1974	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
250	K' TÙNG	5/6/1994	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
251	KA HỞI	9/21/1984	Thôn Liên Đầm 9		5		2	
252	ĐẬU TRONG MẾN	9/20/1980	Thôn Liên Đầm 9	4		3		
253	K' GỬI	4/12/1991	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
254	KA NHÔNH	7/5/1972	Thôn Liên Đầm 9		6		6	
255	K' LÂM	4/20/1986	Thôn Liên Đầm 9		2		2	
256	K' BIỀN	12/29/1991	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
257	K' NỔI	6/11/1979	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
258	K' ĐÍT	1/1/1966	Thôn Liên Đầm 9		8		5	
259	K' PÔI	4/12/1976	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
260	KA DÊS	2/15/1968	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
261	KA' LAN	5/27/1997	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
262	K' NHẠI	12/10/1962	Thôn Liên Đầm 9		6		3	
263	K' BRÓP	12/28/1962	Thôn Liên Đầm 9		9		5	
264	K' BRỆT	10/5/1955	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
265	K' BRÌS	8/22/1991	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
266	K' GÃO	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
267	KA HUYNH	8/13/1985	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
268	K' BÈS	11/7/1964	Thôn Liên Đầm 9		12		8	
269	KA THỐI	1/1/1963	Thôn Liên Đầm 9		5		2	
270	K' BEOH	3/29/1934	Thôn Liên Đầm 9		3		1	
271	KA MẾP	9/7/1982	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
272	KA ÊM	1/1/1963	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
273	K' GHÍP	2/11/1974	Thôn Liên Đầm 9		6		6	
274	K' TRUNG	8/22/1978	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
275	KA HOÀN	11/25/1983	Thôn Liên Đầm 9		8		7	
276	LÊ NAM	3/13/1974	Thôn Liên Đầm 9	4		3		
277	K' GÌM	5/18/1986	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
278	K' CÒN	5/25/1985	Thôn Liên Đầm 9		5		3	
279	K' JỐIH	1/1/1969	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
280	K' BRẢO	6/7/1981	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
281	KA THUI	3/17/1991	Thôn Liên Đầm 9		7		5	
282	MUL SAM	12/31/1987	Thôn Liên Đầm 9		3		2	
283	K' TỆU	9/14/1982	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
284	K' NHỘI	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 9		4		2	

285	K' BRÈM	1/1/1975	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
286	KA EOH	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 9		1		1	
287	K' BON	1/1/1947	Thôn Liên Đầm 9		9		5	
288	K' BRÈM	2/15/1964	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
289	KA DÔIH	1/1/1947	Thôn Liên Đầm 9		6		3	
290	K' LỈM	4/1/1971	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
291	KA NHUẦN	7/30/1986	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
292	K' ĐEM	1/1/1981	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
293	YA THIÊN	12/31/1986	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
294	K' TỦI	5/5/1998	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
295	JƠ NƯNG SANG HÍP	4/24/1980	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
296	KA HÈM	10/20/1969	Thôn Liên Đầm 9		2		1	
297	K' LINH	6/18/1993	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
298	K' YỒI	1/1/1942	Thôn Liên Đầm 9		10		8	
299	KA BẸT	1/1/1966	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
300	K' JẾ	1/1/1961	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
301	K' BRÈN	5/19/1984	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
302	K' ĐỘI	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
303	K' BỜM	1/1/1976	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
304	KA DÔM	5/10/1987	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
305	K' ĐỐI	6/15/1988	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
306	K' JA YA PON	1/1/1978	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
307	KA THAM	5/14/1989	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
308	KA THỐI	1/1/1968	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
309	KA BREN	9/5/1994	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
310	KA ÊN	1/1/1941	Thôn Liên Đầm 9		12		10	
311	K' TÂM	1/1/1973	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
312	NGÔ LƯU VON	1/1/1989	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
313	K' DIỄN	3/25/1992	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
314	NGUYỄN BÁ ĐẠI	4/24/1984	Thôn Liên Đầm 9	5		3		
315	K' QUY	10/5/1992	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
316	K' KIN	4/2/1977	Thôn Liên Đầm 9		5		5	
317	K' BRẸT	10/13/1979	Thôn Liên Đầm 9		6		3	
318	K' NÓS	1/1/1952	Thôn Liên Đầm 9		7		3	
319	K' YÊN	12/11/1993	Thôn Liên Đầm 9		6		4	
320	TOUNEH ĐOEL	1/1/1971	Thôn Liên Đầm 9		5		4	
321	KA BỀN	4/25/1979	Thôn Liên Đầm 9		3		3	
322	K' ĐẢI	1/1/1971	Thôn Liên Đầm 9		6		5	
323	LONG NYE BINH	4/22/1970	Thôn Liên Đầm 9		4		4	
324	KA HOA	6/26/1998	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
325	K' BRINH	1/1/1983	Thôn Liên Đầm 9		4		3	
326	K' BRUI	5/7/1995	Thôn Liên Đầm 9		4		2	
327	NGUYỄN HỮU DƯƠNG	8/15/1973	Thôn Nông Trường	4		3		
328	TÔ THÀNH LÂN	2/25/1960	Thôn Nông Trường	2				
329	HUỲNH NGUYÊN	11/10/1961	Thôn Nông Trường	5		2		
330	PHAN VĂN QUẾ	11/17/1967	Thôn Nông Trường	2		2		
331	NGUYỄN THỊ LƯỠNG	6/14/1973	Thôn Nông Trường	4		4		
332	NGUYỄN VĂN ĐÊ	1/1/1960	Thôn Nông Trường	6		4		
333	NGUYỄN VĂN TIẾN	4/4/1967	Thôn Nông Trường	3		2		
334	BÙI VĂN SÁCH	7/21/1955	Thôn Nông Trường	5		3		
335	TRẦN THỊ OANH	1/30/1976	Thôn Nông Trường	4		2		
336	ĐOÀN THẮNG	1/30/1954	Thôn Nông Trường	3		1		
337	NGUYỄN THANH VÂN	2/2/1977	Thôn Nông Trường	4		3		
338	NGUYỄN HOÀNG ANH	2/10/1982	Thôn Nông Trường	4		2		
339	TRƯƠNG NGHỊ	11/20/1949	Thôn Nông Trường	7		3		
Tổng cộng: 339 hộ				**161**	**1584**	**94**	**1070**	**0**